



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP  
CÔNG TY CP KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

## DANH MỤC TÀI LIỆU

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

1. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
2. Nội quy họp Đại hội;
3. Quy chế tổ chức Đại hội;
4. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024; Định hướng, nhiệm vụ năm 2025;
5. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024; Kế hoạch hoạt động năm 2025;
6. Tờ trình Báo cáo Tài chính năm 2024 sau kiểm toán;
7. Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty;
8. Tờ trình bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty;
9. Quy chế bầu cử, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty
10. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025;
11. Tờ trình kế hoạch kinh doanh, đầu tư phát triển và Kế hoạch tài chính, vay vốn năm 2025;
12. Tờ trình tiền lương thực hiện năm 2024; kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025;
13. Tờ trình ký kết hợp đồng, giao dịch với người có liên quan, các Công ty trong hệ thống Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP;
14. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025;
15. Dự thảo Nghị quyết Đại hội;
16. Báo cáo tài chính năm 2024 (đã được kiểm toán).

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**



**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI-VNSTEEL**

(Thời gian làm việc: Từ 8h30 ngày 16/6/2025)

| THỜI GIAN   | NỘI DUNG   | THỰC HIỆN  |
|-------------|--|--|
| 08h00-08h30 | Đón tiếp đại biểu và cổ đông<br>Đăng ký cổ đông  | Ban tổ chức  |
| 08h30-08h45 | Chào cờ, tuyên bố lý do và giới thiệu Đại biểu<br>Giới thiệu Ban kiểm tra tư cách cổ đông<br>Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông<br>Giới thiệu Chủ tọa Đại hội  | Ban tổ chức<br>Ban tổ chức<br>Trưởng ban KTTCCĐ<br>Ban tổ chức |
| 08h45-08h50 | Giới thiệu Đoàn Chủ tịch<br>Giới thiệu và thông qua danh sách Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu và Ban bầu cử   | Đoàn chủ tịch  |
| 08h50-09h00 | Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội<br>Trình bày và thông qua Chương trình Đại hội   | Đoàn chủ tịch  |
| 09h00-10h30 | Báo cáo của HĐQT về thực hiện nhiệm vụ năm 2024 và định hướng, mục tiêu, kế hoạch năm 2025   | Đoàn chủ tịch  |
|             | Báo cáo của BKS về đánh giá hoạt động của Công ty năm 2024 và kế hoạch năm 2025  | Trưởng BKS   |
|             | Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán  | Kế toán trưởng   |
|             | - Trình bày Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty<br>Thông qua tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty<br>- Trình bày tờ trình bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty<br>Thông qua Tờ trình bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty | Đoàn chủ tịch  |
|             | Trình bày quy chế bầu cử, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị   | Trưởng Ban bầu cử  |
|             | Thông qua quy chế bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị   | Đoàn Chủ tịch  |
|             | Tiến hành bầu cử   | Ban bầu cử   |
|             | Trình bày các Tờ trình:  |  |



|             |   |                   |
|-------------|---|-------------------|
|             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025.</li> <li>- Tờ trình Kế hoạch kinh doanh, Đầu tư phát triển và Tài chính năm 2025</li> <li>- Tờ trình tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024, Kế hoạch tiền lương và thù lao năm 2025</li> <li>- Tờ trình Ký kết hợp đồng giao dịch với người có liên quan, các tổ chức trong hệ thống Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP</li> </ul> | Đoàn chủ tịch     |
|             | Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025  | Trưởng BKS        |
| 10h30-10h45 | Thảo luận các nội dung do HĐQT và BKS trình bày   | Đoàn Chủ tịch     |
| 10h45-10h55 | Phát biểu của Đại diện cổ đông VNS  | Đại diện VNS      |
| 10h55-11h05 | Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình  | Đoàn Chủ tịch     |
| 11h05-11h10 | Công bố kết quả bầu cử.   | Trưởng Ban bầu cử |
| 11h10-11h15 | Cảm ơn Thành viên Hội đồng quản trị   | Đoàn Chủ tịch     |
| 11h15-11h20 | Thành viên Hội đồng quản trị mới ra mắt Đại hội   | Đoàn Chủ tịch     |
| 11h20-11h25 | Trình bày Dự thảo Nghị quyết và Biên bản Đại hội  | Thư ký ĐH         |
|             | Thông qua Nghị quyết, Biên bản Đại hội  | Đoàn Chủ tịch     |
| 11h25-11h30 | Phát biểu bế mạc Đại hội  | Chủ tọa Đại hội   |
|             | Chào cờ và bế mạc Đại hội   | Ban tổ chức       |



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM-CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI-VNSTEEL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2025

### **NỘI QUY**

#### **Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (Đại hội) của Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL (Công ty) khai mạc lúc 08h30 ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Công ty địa chỉ số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Để Đại hội được tiến hành đúng thời gian, nội dung và chương trình làm việc đảm bảo quy định của Luật Doanh nghiệp, và các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, Ban tổ chức Đại hội yêu cầu các quý vị cổ đông và đại biểu về dự Đại hội thực hiện tốt các nội dung sau:

1/ Cổ đông/đại diện cổ đông và đại biểu về dự Đại hội có mặt tại hội trường họp đúng giờ quy định, chấp hành tốt quy chế tổ chức và nội quy của Đại hội.

2/ Cổ đông/đại diện cổ đông trước khi dự họp phải đăng ký với Ban tổ chức để nhận phiếu biểu quyết và các tài liệu của Đại hội.

3/ Cổ đông/đại diện cổ đông và đại biểu khi vào phòng họp ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội hướng dẫn và tuân thủ việc sắp xếp vị trí chỗ ngồi của Ban tổ chức; không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội; điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ không có tiếng chuông.

4/ Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự họp Đại hội từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trường hợp vì lý do bất khả kháng, cổ đông/đại diện cổ đông muốn rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì phải có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết thông qua tại Đại hội.

5/ Khi có ý kiến cần phát biểu, quý vị Cổ đông/đại diện cổ đông phải thực hiện đăng ký với Ban Thư ký Đại hội; khi được chủ tọa Đại hội đồng ý mới được phát biểu. Thời gian phát biểu của 01 đại biểu không quá 05 phút. Nếu vượt quá thời gian thì chủ tọa Đại hội sẽ nhắc nhở dành thời gian cho đại biểu khác phát biểu.

**BAN TỔ CHỨC**

**ĐẠI HỘI ĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2025**



Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2025

**QUY CHẾ**  
**Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025**  
**của Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;  
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;  
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL;  
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL được tổ chức và thực hiện theo Quy chế sau đây:

**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Quy chế này áp dụng trong triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (sau đây gọi tắt là Đại hội) của Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL (sau đây gọi tắt là Công ty); quy định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các cổ đông và các bên tham dự Đại hội, quy định về điều kiện, thủ tục tiến hành họp Đại hội.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL.

**Điều 3: Điều kiện tiến hành Đại hội**

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông/đại diện cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

**Điều 4: Quyền và trách nhiệm tham dự Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông được quyền tham gia họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty. Ngày chốt danh sách là Ngày 16/5/2025.

2. Cổ đông đủ điều kiện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được phép ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông báo công khai toàn bộ nội dung chương trình nghị sự của Đại hội. Tất cả cổ đông/đại diện cổ đông được tham gia ý kiến trực tiếp về nội dung, chương trình của Đại hội và thảo luận tại Đại hội.

4. Cổ đông/đại diện cổ đông khi đến dự Đại hội phải mang theo giấy mời họp. Giấy tờ tùy thân (Căn cước công dân/Hộ chiếu) và Giấy ủy quyền (đối với đại diện



cổ đông) xuất trình với Ban kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận Phiếu biểu quyết ghi mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông.

5. Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự họp Đại hội có nghĩa vụ tuân thủ các quy định tại Luật doanh nghiệp 2020, các quy định tại quy chế làm việc và nội quy họp Đại hội đồng cổ đông; tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

#### **Điều 5: Quyền biểu quyết tại Đại hội của các cổ đông**

1. Tất cả các nội dung trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông tại Đại hội.

2. Thê lệ biểu quyết:

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.
- Cổ đông biểu quyết (đồng ý, hoặc không đồng ý, hoặc không có ý kiến) về một nội dung trong chương trình nghị sự bằng cách giơ phiếu biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của phiếu biểu quyết được hướng về phía chủ tọa. Những cổ đông không giơ phiếu biểu quyết được xem là không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết.
- Các nội dung trong chương trình nghị sự được Đại hội biểu quyết thông qua căn cứ tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội được quy định tại điều 21 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

#### **Điều 6. Quyền và trách nhiệm của Chủ tọa và Đoàn Chủ tịch**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội; Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì các thành viên Hội đồng quản trị Công ty còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội theo nguyên tắc đa số;

2. Chủ tọa Đại hội có thể cử một số thành viên Hội đồng quản trị tham gia Đoàn Chủ tịch điều hành cuộc họp Đại hội. Đoàn Chủ tịch điều hành Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự đã được Hội đồng quản trị thống nhất dự kiến thông qua tại Đại hội, tuân thủ quy chế đã được Đại hội thông qua; hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp; quyết định của Chủ tọa Đại hội về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình họp Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao.

4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:

- Hành vi của người dự họp cản trở, hoặc có nguy cơ cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp; hoặc
- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.



## **Điều 7. Trách nhiệm của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội**

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 06 người do Hội đồng quản trị Công ty chỉ định.

2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:

a. Kiểm tra tư cách dự họp của cổ đông/đại diện theo ủy quyền của dựa trên tài liệu và giấy tờ tùy thân mà họ xuất trình khi đến dự Đại hội (Căn cước công dân/hộ chiếu), Thư mời họp, Giấy ủy quyền và các tài liệu kèm theo (nếu có).

b. Phát tài liệu họp và phiếu biểu quyết cho cổ đông đủ điều kiện tham dự Đại hội. Phiếu biểu quyết có đóng dấu treo của Công ty, ghi mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông.

c. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

## **Điều 8. Trách nhiệm của Ban Kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 06 người, bao gồm Trưởng Ban và 05 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

a. Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cổ đông cách thức biểu quyết.

b. Kiểm đếm số phiếu biểu quyết cho từng nội dung của chương trình nghị sự được xin ý kiến cổ đông thông qua tại Đại hội và nhanh chóng thông báo cho Ban thư ký kết quả biểu quyết để Chủ tọa thông báo kết quả biểu quyết từng nội dung ngay sau khi Đại hội biểu quyết.

c. Tổ chức kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử của Đại hội; chuyển Biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả bầu cử.

d. Xem xét và báo cáo với Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết/ kết quả bầu cử.

## **Điều 9. Trách nhiệm của Ban Thư ký Đại hội**

1. Ban Thư ký Đại hội gồm 02 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch và Đại hội đồng cổ đông.

2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:

a. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

b. Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/đại biểu.

c. Lập Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

d. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa Đại hội.

## **Điều 10. Tài liệu Đại hội**

Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội nhận tài liệu Đại hội tại bàn đón tiếp cổ đông hoặc sử dụng điện thoại thông minh quét mã QR để truy cập tài liệu Đại hội.

## **Điều 11. Thảo luận tại Đại hội**

1. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung của Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa.

3. Cổ đông ghi tóm tắt nội dung phát biểu vào “Phiếu đăng ký phát biểu” và chuyển cho Ban thư ký Đại hội; Chủ tọa xem xét tính phù hợp của nội dung phát biểu và sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự. Nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp. Thời gian cho mỗi ý kiến phát biểu tối đa 05 phút.

4. Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông/đại diện cổ đông.

5. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi của cổ đông/đại diện cổ đông chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng văn bản.

#### **Điều 12. Thông qua Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Tất cả các nội dung tại cuộc họp phải được thư ký Đại hội ghi vào biên bản họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

2. Nghị quyết và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

3. Chủ tọa và Thư ký Đại hội có trách nhiệm ký Nghị quyết và Biên bản họp ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Lê Minh Tú**



Số: 524 /BC-HNS

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2025

**BÁO CÁO**  
**CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

**Phần thứ nhất**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

**I. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2024**

Năm 2024 nền kinh tế thế giới đối mặt với nhiều khó khăn thách thức khi xung đột địa chính trị gia tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế thương mại toàn cầu. Kinh tế thế giới có phục hồi nhưng chậm, tăng trưởng ở mức thấp. Nhu cầu thép giảm ở một số thị trường lớn, đặc biệt là thị trường Trung Quốc do suy giảm hoạt động xây dựng và sản xuất.

Thị trường thép nội địa có những khó khăn và cơ hội đan xen. Từ quý III, tiêu thụ nội địa có sự tăng trưởng ổn định nhờ sự phục hồi của ngành xây dựng, sự nóng lên của thị trường bất động sản và sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ trong giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là các công trình trọng điểm quốc gia, kết cấu hạ tầng. Tuy nhiên, bên cạnh đó ngành thép vẫn gặp nhiều khó khăn từ biến động giá nguyên vật liệu, cạnh tranh gay gắt từ nguồn thép nhập khẩu giá rẻ; cạnh tranh về giá do dư cung trong nước.

Hội đồng quản trị bám sát mục tiêu, kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 giao, chỉ đạo và giám sát chặt chẽ hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời phối hợp với Ban Tổng Giám đốc tìm những giải pháp kinh doanh phù hợp, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã đề ra.

**1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu**

**1.1. Các chỉ tiêu về kinh doanh**

| TT | Chỉ tiêu                        | Đơn vị tính | KH ĐH ĐCĐ giao | Thực hiện     | %/KH        | % So CK 2023 |
|----|---------------------------------|-------------|----------------|---------------|-------------|--------------|
| 1  | Lượng bán                       | Tấn         | 220.000        | 293.973       | 134%        | 103%         |
| 2  | Doanh thu                       | Tr đồng     | 3.079.100      | 4.068.038     | 132%        | 101%         |
|    | <i>Trong đó DT kho bãi</i>      |             | <i>45.000</i>  | <i>53.748</i> | <i>119%</i> | <i>109%</i>  |
| 3  | Lợi nhuận trước thuế            | Tr đồng     | 10.000         | 16.038        | 160%        | 107%         |
| 4  | Lợi nhuận sau thuế              | Tr đồng     |                | 11.303        |             | 111%         |
| 5  | Thu nhập bình quân /người/tháng | Tr đồng     |                | 18,88         |             | 123%         |

| TT | Chỉ tiêu           | Đơn vị tính | KH ĐH ĐCĐ giao | Thực hiện | %/KH | % So CK 2023 |
|----|--------------------|-------------|----------------|-----------|------|--------------|
| 6  | Tồn kho 31/12/2024 | Tấn         |                | 6.896     |      |              |
| 7  | Nộp Ngân sách      | Tr đồng     |                | 45.508    |      |              |

## 1.2. Các chỉ tiêu về tài chính

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân (ROE): 10,66 %;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA): 2,85 %;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần : 0,28%;
- Vòng quay vốn lưu động/năm : 10,6 vòng;
- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu : 2,6 lần.
- Tổng số dư công nợ phải thu đến thời điểm 31/12/2024: 389.404 triệu đồng (giảm 19.782 triệu đồng so với ngày 01/01/2024). Trong đó:
  - + Công nợ khó đòi >6 tháng: 45.067 triệu đồng.
  - + Đã trích lập dự phòng: 41.375 triệu đồng (chiếm 91,8%/công nợ khó đòi >6T).
- Năm 2024: Không phát sinh thêm công nợ khó đòi >6 tháng. Đã thu hồi: 2.452 triệu đồng (trong đó thu tại XNTH: 1.987 triệu đồng, XN2: 465 triệu đồng).

## 1.3. Công tác đầu tư XDCCB

### 1.3.1. Kế hoạch:

- a) Dự án đầu tư: 11 tỷ đồng, trong đó:
  - Dự án nhà văn phòng tại Tổng kho kim khí số 1: 05 tỷ đồng.
  - Dự án đầu tư trang thiết bị phòng cháy chữa cháy tại các Tổng kho: 06 tỷ đồng.
- b) Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng và tài sản tại Văn phòng Công ty, các tổng kho và một số khu đất: 05 tỷ đồng.

### 1.3.2. Thực hiện:

- a) Dự án đầu tư:
  - Dự án nhà văn phòng tại Tổng kho KK số 1: Dự án chưa triển khai thực hiện. Hiện đang thực hiện thủ tục xin phép xây dựng, dự án chuyển tiếp sang năm 2025.
  - Dự án đầu tư trang thiết bị PCCC tại các Tổng kho: Dự án chuyển tiếp năm 2025.
  - + Tại Tổng kho kim khí số 1, 2, 3: Tiếp tục thực hiện gói thầu tư vấn, khảo sát, lập hồ sơ thiết kế thi công, lập dự toán chi phí, xin ý kiến Cơ quan ban ngành về PCCC cho dự án đầu tư hệ thống PCCC để khắc phục các tồn tại về PCCC.
  - + Tại Tổng kho kim khí số 4: Đã hoàn thành gói tư vấn khảo sát, lập hồ sơ thiết kế thi công, lập dự toán chi phí cho dự án đầu tư hệ thống PCCC và đầu tư hạng mục bể nước ngầm, phòng bơm chữa cháy. Đã giải ngân năm 2024: 1,05 tỷ đồng.
- b) Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng và tài sản tại văn phòng Công ty, các tổng kho và một số khu đất: Đã thực hiện 26 hạng mục công trình nâng cấp, sửa chữa tài sản của Công ty tại Văn phòng Công ty và các Tổng kho, nhằm đảm bảo yêu cầu sử dụng của khách hàng và Công ty. Giá trị giải ngân: 3,826 tỷ.



#### **1.4. Ký kết hợp đồng giao dịch với người có liên quan, các Công ty con cùng hệ thống Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP**

Trong năm 2024 Công ty thực hiện việc ký kết hợp đồng và giao dịch mua bán hàng hóa với tổ chức có liên quan của cổ đông sở hữu trên 10%/Tổng số cổ phần phổ thông, các Công ty con cùng hệ thống Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP:

1.4.1. Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên: Mua hàng: Lượng 25.614.909 kg, trị giá (cả VAT): 351.896.536.161 đồng.

1.4.2. Công ty TNHH một thành viên Vinausteel: Mua hàng: Lượng: 58.894.717 kg, trị giá (cả VAT): 812.730.599.130 đồng.

#### **2. Những hạn chế và tồn tại**

- Công ty chưa khắc phục được tình trạng kinh doanh thua lỗ kéo dài tại Xí nghiệp kinh doanh thép hình và Xí nghiệp kinh doanh Kim khí số 6; Do vậy ngày 31/10/2024 Hội đồng quản trị đã có quyết định sắp xếp thay đổi cơ cấu tổ chức mạng lưới kinh doanh, theo đó chấm dứt hoạt động Xí nghiệp kinh doanh Thép hình.

- Chưa giải quyết dứt điểm những tồn tại về hàng tồn kho của Xí nghiệp KD Thép Hình và Xí nghiệp KD Kim khí số 6;

- Chưa thu hồi lãi trả chậm của Công ty CP TM Kim Ngân; công nợ tại Xí nghiệp KD Kim khí số 2 thu hồi chậm.

### **II. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị**

#### **1. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

Với nguyên tắc làm việc cẩn trọng để đưa ra định hướng đúng đắn, chỉ đạo kịp thời cho hoạt động của Công ty trên nguyên tắc phù hợp với điều kiện của Công ty và bối cảnh thị trường, các thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) đã thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao với tinh thần trách nhiệm cao, có sự bàn bạc thống nhất trong việc đề ra các chủ trương, nghị quyết chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, giám sát chặt chẽ, đồng thời phối hợp, hỗ trợ thực hiện các giải pháp và tạo điều kiện thuận lợi để Ban điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ, hoạt động của Công ty có hiệu quả.

- Hội đồng quản trị đã phân công lại nhiệm vụ các thành viên HĐQT, xem xét và ban hành các nghị quyết, quyết định chỉ đạo về các nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư, công tác tài chính, giao dịch mua bán với các đơn vị liên quan, về tiền lương, công tác cán bộ, sắp xếp lại mạng lưới kinh doanh, rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế của Công ty... trên cơ sở các tờ trình của Ban Tổng Giám đốc;

- Theo dõi nắm bắt quá trình điều hành hoạt động kinh doanh thông qua các văn bản, báo cáo, tờ trình của Ban điều hành gửi Hội đồng quản trị;

- Tham gia một số cuộc họp giao kế hoạch của Ban điều hành và các phòng, đơn vị trực thuộc để nắm tình hình, những vướng mắc trong hoạt động kinh doanh, kịp thời phối hợp với Ban điều hành tìm giải pháp tháo gỡ.

- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, của Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định



tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 cuộc họp HĐQT, trong đó có 04 cuộc họp định kỳ hàng quý; Hội đồng quản trị đã ban hành 41 nghị quyết, quyết định, trong đó 05 nghị quyết được thông qua tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Các nghị quyết, quyết định còn lại được thông qua bằng văn bản sau khi được các thành viên Hội đồng quản trị thảo luận và biểu quyết nhất trí qua thư điện tử (email).

- Việc công bố thông tin được thực hiện đảm bảo tính trung thực, chính xác và đúng thời gian quy định.

## **2. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị**

- Quỹ tiền lương thực hiện của thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý chuyên trách năm 2024: 1.155.960.000 đồng.

- Quỹ thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách: 278.000.000 đồng.

- Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ theo các quy định của pháp luật và các quy chế, quy định của Công ty.

## **3. Kết quả giám sát Tổng Giám đốc và Ban điều hành**

### **3.1. Sự thay đổi của Ban Tổng Giám đốc:**

Kể từ ngày 15/3/2024 Ông Hoàng Ngọc Chiến thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty. Hiện nay Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm có Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc.

### **3.2. Kết quả giám sát:**

Ban Tổng Giám đốc đã chủ động bám sát các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, có các giải pháp hợp lý trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành; định kỳ báo cáo Hội đồng quản trị hoạt động kinh doanh, kết quả thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các khó khăn và thuận lợi trong điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, tuân thủ pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định của Công ty, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 giao, đảm bảo công ăn việc làm, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

## **Phần thứ hai**

## **ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2025**

### **1. Dự báo thị trường**

Dự báo kinh tế thế giới tăng trưởng thấp, mức 3,2%. Các xung đột địa chính trị chưa có hồi kết, các quốc gia vẫn tiếp tục tăng cường bảo hộ sản xuất trong nước. Thị trường Trung Quốc sức cung vẫn lớn hơn cầu nội địa, khó khăn trong xuất khẩu thép



thành phẩm sang các thị trường lớn như EU, Mỹ,... sẽ tạo sức ép xuất khẩu sang các thị trường nhỏ, lân cận trong đó có Việt Nam.

Kinh tế trong nước, Chính phủ dự kiến tăng trưởng GDP ở mức trên 8%.

Đối với ngành thép, dự kiến sẽ có tăng trưởng nhưng không cao, do tác động của các yếu tố: Chính phủ quyết tâm tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế, khởi động các công trình trọng điểm quốc gia, thị trường bất động sản khởi sắc do các Luật liên quan được áp dụng,.... Bên cạnh đó vẫn tiềm ẩn các khó khăn như diễn biến giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào quan trọng (xăng dầu, quặng,...) có xu hướng tăng mạnh do các xung đột địa chính trị kéo dài, lan rộng; sức ép từ nguồn thép TQ nhập khẩu giá rẻ, sức ép lên thị trường nội địa khi các nhà sản xuất lớn trong nước gặp khó khăn trong xuất khẩu.

Trong bối cảnh kinh doanh nhiều khó khăn và thách thức, Công ty cổ phần kim khí Hà nội - VNSTEEL dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

## **2. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản**

### **2.1. Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh**

- Lượng tiêu thụ : 300.000 tấn. Trong đó, tiêu thụ thép xây dựng trong hệ thống VNSTEEL:

+ Thép Việt Úc : 65.000 tấn

+ Thép Tisco : 30.000 tấn

- Doanh thu : 4.124.300 triệu đồng, trong đó:

Doanh thu dịch vụ : 56.500 triệu đồng.

- Lợi nhuận trước thuế : 17.000 triệu đồng.

### **2.2. Đầu tư xây dựng cơ bản**

2.2.1. Dự án đầu tư: 45,55 tỷ đồng, trong đó:

- Kế hoạch Dự án khởi công mới:

+ Dự án xây dựng tường rào tại Tổng kho kim khí số 2: 02 tỷ đồng.

+ Dự án xây dựng tường rào, nhà bảo vệ tại Tổng kho kim khí số 4: 01 tỷ đồng

- Dự án chuyển tiếp:

+ Dự án đầu tư hệ thống PCCC tại các kho (Tổng kho kim khí số 1, Tổng kho kim khí số 2, Tổng kho kim khí số 3, Tổng kho kim khí số 4) và Văn phòng Công ty: 37,55 tỷ đồng, dự kiến giải ngân năm 2025 là 18,52 tỷ đồng.

+ Dự án nhà văn phòng 02 tầng tại Tổng kho kim khí số 1: 05 tỷ đồng.

2.2.2. Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng và tài sản tại Văn phòng Công ty, các tổng kho và một số khu đất: 03 tỷ đồng.

## **3. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025**

Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 giao, trong đó tập trung chỉ đạo những công tác trọng tâm sau:

### **3.1. Kinh doanh thương mại:**

- Tập trung duy trì các mặt hàng truyền thống và nhóm khách hàng chiến lược; tận dụng các cơ hội kinh doanh để gia tăng lượng bán, hiệu quả.



- Tăng cường hợp tác với các đơn vị trong hệ thống Tổng Công ty về cung cấp nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm. Tích cực mở rộng thị trường, mở rộng hệ thống khách hàng để tăng lượng bán các sản phẩm thép VUC, thép TISCO.

- Theo dõi biến động thị trường, triển khai kinh doanh hàng nhập khẩu.

- Tăng cường công tác thẩm định, đánh giá năng lực tài chính của khách hàng; kiểm soát công nợ, nâng cao chất lượng công tác quản trị rủi ro. Kiểm soát chặt chẽ tồn kho các bộ phận kinh doanh, để hạn chế phát sinh chi phí tài chính.

- Áp dụng các giải pháp quyết liệt, điều hành các bộ phận kinh doanh nỗ lực phấn đấu, đạt chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra và giải quyết các tồn tại về hàng hóa, công nợ để thu hồi vốn.

### **3.2. Kinh doanh dịch vụ và quản lý đất và tài sản trên đất**

- Quản lý và khai thác tối đa hiệu quả tài sản, cơ sở vật chất của Công ty; tiếp tục nâng cấp cơ sở hạ tầng nhằm thu hút thêm khách hàng thuê, nâng cao giá trị cho thuê. Nghiên cứu đổi mới phương thức tiếp thị để tìm kiếm thêm khách hàng có nhu cầu thuê kho bãi; đặc biệt đối với những khu đất hết thời hạn ổn định giá đất 5 năm và những khu đất chưa mang lại hiệu quả.

- Cập nhật luật đất đai, các nghị định, thông tư, quy định về đất đai, làm việc với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý tại các khu đất Công ty quản lý, thu hồi đất bị lấn chiếm tại Tổng kho số 3, 658 Trương Định và 198 Nguyễn Trãi.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các khách hàng thuê văn phòng /kho/bãi của Công ty, nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về PCCC, CNCH, ATLD và VSMT; đảm bảo an ninh trật tự; báo cáo kịp thời các tình huống phát sinh ảnh hưởng đến quyền, trách nhiệm và lợi ích của cổ đông và Công ty.

### **3.3. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản**

- Triển khai ngay các thủ tục đầu tư; thu xếp đủ nguồn vốn trước khi thực hiện, thực hiện các dự án đầu tư theo đúng quy trình, quy định, đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước và pháp luật hiện hành và quy chế quy định của Công ty.

- Đầu tư các hệ thống PCCC, các hạng mục cần thiết để đủ điều kiện khắc phục các tồn tại về công tác PCCC tại các Tổng kho và Văn phòng Công ty theo Nghị quyết của Thành phố Hà Nội.

### **3.4. Công tác quản trị tài chính và thu hồi công nợ:**

- Nâng cao năng lực quản trị tài chính. Thường xuyên làm việc với Ngân hàng để có nguồn tín dụng tốt nhất cho hoạt động kinh doanh và đầu tư; cập nhật các gói tín dụng có mức lãi suất thấp, nâng cao hiệu quả kinh doanh thương mại cũng như hiệu quả chung của Công ty; Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng quay vòng vốn, bảo toàn vốn; quản lý chi phí, thực hành tiết kiệm chống lãng phí;

- Thực hiện nghiêm các biện pháp đánh giá năng lực tài chính khách hàng, thẩm định khách hàng, kiểm soát công nợ, thường xuyên cập nhật thông tin khách hàng, không để phát sinh công nợ khó đòi; thúc đẩy tiến độ thu hồi các khoản công nợ có khả năng thu hồi.



- Đối với công nợ đã đưa ra tòa: Bám sát cơ quan thi hành án, định kỳ 6 tháng có văn bản gửi cơ quan thi hành án để tiếp tục thi hành bản án.
- Tiếp tục tìm kiếm khách hàng, giải quyết các tồn tại về hàng hóa để thu hồi vốn.

### 3.5. Công tổ chức hành chính và công tác khác

- Rà soát, sắp xếp, tổ chức mạng lưới kinh doanh theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Tăng cường tuyển dụng lao động trẻ, có chất lượng, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đào tạo cán bộ để nâng cao chất lượng lao động và tạo nguồn cán bộ kế cận;

- Xây dựng chính sách tiền lương, phân phối thu nhập và các chế độ đãi ngộ thu hút người lao động. Gắn năng suất - chất lượng - hiệu quả công việc với thu nhập của người lao động. Thực hiện tốt công tác hành chính quản trị đảm bảo tiết kiệm tối đa chi phí, công tác an sinh và giải quyết chế độ chính sách đối với Người lao động.

- Làm tốt công tác dân chủ cơ sở; xây dựng văn hóa doanh nghiệp; tăng cường công tác phát triển thương hiệu; đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL.

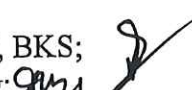

Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, triển khai đồng bộ các giải pháp về hoạt động kinh doanh, cùng Ban Tổng Giám đốc đưa Công ty ngày càng phát triển bền vững. Hội đồng quản trị mong muốn các cổ đông tiếp tục chia sẻ, ủng hộ và tham gia đóng góp ý kiến giúp cho hoạt động của Hội đồng quản trị ngày càng tốt hơn.

(Báo cáo này thay thế cho Báo cáo số 446/BC-HNS, ngày 24/3/2025 của Hội đồng quản trị Công ty).

Hội đồng quản trị báo cáo và xin ý kiến Đại hội.

Xin trân trọng cảm ơn./✓

#### Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TVHĐQT, BKS;
- Các phòng; 
- Lưu : VT, TK HĐQT 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Lê Minh Tú

Số: **343** /BC-HNS

Hà Nội, ngày **07** tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ điều lệ hoạt động của Công ty CP Kim khí Hà Nội- VNSTEEL;
- Căn cứ báo cáo tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2024 của công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC ngày ;24/2/2025;
- Căn cứ vào tình hình hoạt động SXKD năm 2024 của Công ty CP Kim khí Hà Nội-VNSTEEL;

Ban Kiểm soát thẩm định kết quả và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty CP Kim khí Hà Nội- VNSTEEL năm 2024 như sau:

**I. Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và thẩm định báo cáo tài chính năm 2024**

**1. Kết quả hoạt động kinh doanh và thẩm định báo cáo tài chính năm 2024**

**1.1. Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh**

- Lượng bán ra: 293.973 tấn, đạt 134% kế hoạch, tăng 3% so cùng kỳ 2023
- Doanh thu thuần: 4.068,038 tỷ đồng, đạt 132% kế hoạch, tăng 1% so cùng kỳ

Trong đó:

- + Doanh thu thương mại: 4.009,865 tỷ đồng, tăng 1% so cùng kỳ
- + Doanh thu dịch vụ: 53,74 tỷ đồng, tăng 9% so cùng kỳ
- + Lợi nhuận trước thuế: 16,03 tỷ đồng, tăng 7% so cùng kỳ

**1.2. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2024**

Ban kiểm soát thống nhất với các nội dung tại Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2024 đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính 2024, phù hợp chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh tại Báo cáo kiểm toán năm 2024: Thực hiện theo kiến nghị tại Thông báo số 186/TB-KTNN ngày 14/01/2019 của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024 cho các khoản nợ phải thu khó đòi đã quá hạn thanh toán trên 3 năm không có đủ hồ sơ trích lập dự phòng theo quy định hiện hành với tổng số dư nợ phải thu tại thời điểm 01/01/2024 và 31/12/2024 là 3.691.849.780 đồng.





Kết quả thực hiện năm 2024 cụ thể như sau:

**Biểu 1: Kết quả kinh doanh:**

| TT | Chỉ tiêu                          | Kế hoạch ĐHCĐ 2024 | Thực hiện năm 2024 | Tỷ lệ TH/KH | Thực hiện năm 2023 | Tăng (+), giảm(-) so cùng kỳ |       |
|----|-----------------------------------|--------------------|--------------------|-------------|--------------------|------------------------------|-------|
|    |                                   |                    |                    |             |                    | Giá trị                      | Tỷ lệ |
| 1  | Sản lượng tiêu thụ (Tấn)          | 220.000            | 293.973            | 134%        | 285.726            | 8.247                        | 103%  |
| 2  | Doanh thu thuần (tr.đ)            | 3.079.100          | 4.068.038          | 132%        | 4.011.132          | 56.906                       | 101%  |
|    | <i>Kinh doanh thương mại</i>      |                    | 4.009.865          |             | 3.957.671          | 52.194                       | 101%  |
|    | <i>Kinh doanh dịch vụ kho bãi</i> |                    | 53.748             |             | 49.502             | 4.246                        | 109%  |
| 3  | Chi phí (tr.đ)                    |                    | 65.020             |             | 61.615             | 3.405                        | 106%  |
|    | - Chi phí quản lý                 |                    | 34.315             |             | 30.957             | 3.358                        | 111%  |
|    | - Chi phí bán hàng                |                    | 15.669             |             | 14.038             | 1.631                        | 112%  |
|    | - Chi phí tài chính               |                    | 15.036             |             | 16.620             | -1.584                       | 90%   |
|    | <i>Trong đó chi phí lãi vay</i>   |                    | 15.036             |             | 16.620             | -1.584                       | 90%   |
| 4  | Lợi nhuận trước thuế (tr.đ)       | 10.000             | 16.038             | 160%        | 15.021             | 1.017                        | 107%  |

**Biểu 2: Nợ phải thu:**

| Chi tiết                    | Số dư đầu kỳ 01/01/2024 |             | Số dư cuối kỳ 31/12/2024 |             | Tăng(+), giảm(-) |         |
|-----------------------------|-------------------------|-------------|--------------------------|-------------|------------------|---------|
|                             | Số tiền                 | Tỷ trọng    | Số tiền                  | Tỷ trọng    | Số tiền          | Tỷ lệ % |
| <b>Tổng số</b>              | <b>409.185</b>          | <b>100%</b> | <b>389.404</b>           | <b>100%</b> | <b>-19.781</b>   |         |
| Trong đó:                   |                         |             |                          |             |                  |         |
| + Nợ trong hạn              | 351.489                 | 85,90%      | 336.158                  | 86,33%      | -15.331          | -4%     |
| + Quá hạn < 1 tháng         | 10.029                  | 2,45%       | 7.556                    | 1,94%       | -2.473           | -25%    |
| + Khó đòi từ 1T đến dưới 6T | 148                     | 0,04%       | 623                      | 0,16%       | 475              | 321%    |
| + Khó đòi từ 6T đến < 1 năm |                         |             |                          | 0,00%       |                  |         |
| + Khó đòi >= 1 Năm          | 47.519                  | 11,61%      | 45.067                   | 11,57%      | -2.452           | -5%     |

**Biểu 3: Một số chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính của công ty:**

| TT | Chỉ tiêu                                      | ĐVT | Tại ngày 31/12/2024 | Tại ngày 31/12/2023 |
|----|---|-----|---------------------|---------------------|
| 1  | <b>Cơ cấu tài sản</b>                         |     |                     |                     |
|    | Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản                 | Lần | 0,96                | 0,97                |
|    | Tài sản dài hạn/Tổng tài sản                  | Lần | 0,04                | 0,03                |
| 2  | <b>Cơ cấu nguồn vốn</b>                       |     |                     |                     |
|    | Hệ số nợ/Tổng nguồn vốn                       | Lần | 0,72                | 0,74                |
|    | Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn                  | Lần | 0,28                | 0,26                |
| 3  | <b>Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu</b>                | Lần | 2,63                | 2,84                |
| 4  | <b>Khả năng thanh toán</b>                    |     |                     |                     |
|    | Khả năng thanh toán nhanh                     | Lần | 1,32                | 1,28                |
|    | Khả năng thanh toán hiện thời                 | Lần | 1,33                | 1,31                |
| 5  | <b>Tỷ suất lợi nhuận</b>                      |     |                     |                     |
|    | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | %   | 2,85%               | 2,74%               |

## **2. Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024:**

### **2.1 Kế hoạch:**

a) Dự án đầu tư: 11 tỷ đồng, trong đó:

- Dự án nhà văn phòng tại Tổng kho kim khí số 1: 5 tỷ đồng.
- Dự án đầu tư trang thiết bị phòng cháy chữa cháy tại các Tổng kho: 6 tỷ đồng.

b) Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng và tài sản tại Văn phòng Công ty, các tổng kho và một số khu đất: 5 tỷ đồng.

### **2.2 Thực hiện:**

#### **2.2.1 Dự án đầu tư:**

a) Dự án nhà văn phòng tại Tổng kho kim khí số 1: Dự án chưa triển khai thực hiện. Hiện đang thực hiện thủ tục xin phép xây dựng, dự án chuyển tiếp sang năm 2025.

b) Dự án đầu tư trang thiết bị PCCC tại các Tổng kho: Dự án chuyển tiếp năm 2025.

- Tại Tổng kho kim khí số 1, 2, 3

Tiếp tục thực hiện gói thầu tư vấn, khảo sát, lập hồ sơ thiết kế thi công, lập dự toán chi phí, xin ý kiến Cơ quan ban ngành về PCCC cho dự án đầu tư hệ thống PCCC để khắc phục các tồn tại về PCCC.

- Tại Tổng kho kim khí số 4

+ Đã hoàn thành gói tư vấn khảo sát, lập hồ sơ thiết kế thi công, lập dự toán chi phí cho dự án đầu tư hệ thống PCCC tại TKKK số 4.

+ Hoàn thành hạng mục bể nước ngầm và phòng bơm chữa cháy tại TKKK số 4

+ Đã giải ngân năm 2024: 1,05 tỷ đồng.

2.2.2 Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng và tài sản tại văn phòng Công ty, các tổng kho và một số khu đất:

- Năm 2024, Công ty đã thực hiện 26 hạng mục công trình nâng cấp, sửa chữa tài sản của công ty tại Văn phòng Công ty và các Tổng kho nhằm đảm bảo yêu cầu sử dụng của khách hàng và Công ty. Giá trị giải ngân: 3,8 tỷ đồng

### **3. Thực hiện về tiền lương và thu nhập cho người lao động.**

Năm 2024 Công ty thực hiện trích quỹ tiền lương người lao động như sau:

- Quỹ tiền lương người lao động: 25.500 triệu đồng
- Lao động bình quân: 125 người
- Tiền lương bình quân: 17 triệu đồng/người/tháng

### **4. Báo cáo các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020:**

Trong năm 2024 Công ty thực hiện việc ký kết hợp đồng và giao dịch mua bán hàng hóa với tổ chức có liên quan của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông.



Các Công ty con cùng hệ thống Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP bao gồm:

- Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên: Mua hàng: Lượng 25.614.909 kg, trị giá: 351.896.536.161 đồng (cả VAT).

- Công ty TNHH một thành viên Vinausteel: Mua hàng: Lượng: 58.894.717 kg, trị giá: 812.730.599.130 đồng (cả VAT).

## **II. Đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành năm 2024:**

### **1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Hội đồng quản trị luôn quản lý, giám sát và chỉ đạo để hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng, tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Năm 2024, Hội đồng quản trị đã tổ chức có 04 phiên họp định kỳ nhằm đánh giá kết quả đạt được kỳ trước và thông qua công tác trọng tâm kỳ tới. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị tập trung xem xét, đánh giá, đề ra chủ trương, giải pháp triển khai thực hiện hoặc quyết định các vấn đề chủ yếu về nhiệm vụ kinh doanh; công tác tài chính; công tác đầu tư; công tác nhân sự; kết quả sản xuất kinh doanh hằng quý, năm 2024.

Năm 2024, Hội đồng quản trị ban hành 41 Nghị quyết/Quyết định về công tác kinh doanh, công tác đầu tư xây dựng, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ.

### **2. Hoạt động của Ban điều hành:**

- Ban điều hành đã chủ động triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2024, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị đề ra, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ.

- Ban điều hành có giải pháp trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành nhằm nỗ lực thực hiện tối đa các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Năm 2024, các chỉ tiêu kinh doanh đều vượt kế hoạch năm 2024 do Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể: lượng tiêu thụ đạt 293.973 tấn, vượt 34% kế hoạch; doanh thu thuần đạt 4.068,038 tỷ đồng, vượt 32% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 16,03 tỷ đồng, vượt 60% kế hoạch đề ra.

### **3. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Năm 2024, BKS đã tổ chức 03 cuộc họp để trao đổi, xem xét thông qua các nội dung về hoạt động kinh doanh trong năm 2024 và BCTC kiểm toán năm 2024, BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty.

Các công việc thực hiện:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban điều hành.- Tham dự các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị và có ý kiến đóng góp trong phạm vi quyền hạn, chức năng theo Điều lệ quy định.

- Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

- Thẩm định báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo hoạt động của HĐQT. Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu tài chính kế toán.

Nhìn chung, năm 2024 Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

### **III. Kiến Nghị**

Trên cơ sở tình hình hoạt động của công ty năm 2024, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị như sau:

- Thực hiện đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hạ tầng và tài sản tại của Công ty theo đúng nhu cầu, kế hoạch, quy định.

- Các khu đất hiện tại chưa có hiệu quả, hiệu quả còn thấp tiếp tục tiếp thị để tìm kiếm khách hàng tìm các phương án khai thác hiệu quả quỹ đất còn trống.

- Tiếp tục giải quyết các tồn tại về hàng hóa, công nợ. Tránh phát sinh công nợ khó đòi.

### **IV. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025:**

Trong năm 2025 Ban kiểm soát sẽ thực hiện một số nội dung trọng tâm như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý và mức độ cần trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, công tác tổ chức tài chính kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính.

- Phối hợp với tổ chức kiểm toán độc lập để xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025.

- Kiểm tra, kiểm soát đột xuất theo chuyên đề khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị; Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động.

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

#### **Nơi nhận:**

- Cổ đông Cty CP KKHN-VNSTEEL;
- Hội đồng quản trị;
- Ban điều hành;
- Lưu: VT, BKS.



**Hà Thị Thu Hiền**



Số: 411 /Tr-HNS

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán**

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kim khí Hà Nội - VNSTEEL  
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kim khí Hà Nội - VNSTEEL kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán với một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

I./ BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024)

Đơn vị tính: đồng VN

| Stt        | Nội dung                                   | 31/12/2024             | 01/01/2024             |
|------------|--|------------------------|------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Tài sản ngắn hạn</b>                    | <b>375,386,260,182</b> | <b>389,937,352,520</b> |
| 1          | Tiền và các khoản tương đương tiền         | 13,516,440,299         | 5,390,843,746          |
| 2          | Đầu tư tài chính ngắn hạn                  | 10,000,000,000         | 10,000,000,000         |
| 3          | Các khoản phải thu ngắn hạn                | 346,653,462,505        | 365,735,509,532        |
| 4          | Hàng tồn kho                               | 4,365,979,341          | 8,211,772,093          |
| 5          | Tài sản ngắn hạn khác                      | 850,378,037            | 599,227,149            |
| <b>II</b>  | <b>Tài sản dài hạn</b>                     | <b>13,838,199,187</b>  | <b>12,851,072,627</b>  |
| 1          | Các khoản phải thu dài hạn                 | 152,060,000            | 104,540,000            |
| 2          | Tài sản cố định                            | 9,218,240,064          | 9,779,529,510          |
|            | - Tài sản cố định hữu hình                 | 8,756,719,064          | 9,318,008,510          |
|            | + Nguyên giá                               | 64,516,997,383         | 63,842,203,736         |
|            | + Giá trị hao mòn lũy kế                   | -55,760,278,319        | -54,524,195,226        |
|            | - Tài sản cố định vô hình                  | 461,521,000            | 461,521,000            |
|            | + Nguyên giá                               | 729,211,000            | 729,211,000            |
|            | + Giá trị hao mòn lũy kế                   | -267,690,000           | -267,690,000           |
| 3          | Tài sản dài hạn khác                       | 4,467,899,123          | 2,967,003,117          |
|            | <b>Tổng cộng tài sản</b>                   | <b>389,224,459,369</b> | <b>402,788,425,147</b> |
| <b>III</b> | <b>Nợ phải trả</b>                         | <b>281,946,046,157</b> | <b>297,943,665,659</b> |
| 1          | Nợ ngắn hạn                                | 281,946,046,157        | 297,943,665,659        |
|            | Vay và nợ ngắn hạn                         | 190,560,752,071        | 188,772,724,296        |
|            | Phải trả người bán                         | 16,169,007,056         | 19,745,225,276         |
|            | Người mua trả tiền trước                   | 437,183,290            | 458,302,276            |
|            | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 5,146,570,982          | 7,870,716,755          |
|            | Phải trả người lao động                    | 14,525,875,751         | 13,324,841,426         |
|            | Chi phí phải trả                           | 394,562,032            | 424,201,673            |
|            | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 54,424,387,958         | 67,180,056,440         |
|            | Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  | 287,707,017            | 167,597,517            |
| <b>IV</b>  | <b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>                | <b>107,278,413,212</b> | <b>104,844,759,488</b> |
| 1          | Vốn chủ sở hữu                             | 107,278,413,212        | 104,844,759,488        |
|            | - Vốn đầu tư của chủ sở hữu                | 90,000,000,000         | 90,000,000,000         |
|            | - Các quỹ                                  | 3,599,851,779          | 3,599,851,779          |
|            | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối        | 13,678,561,433         | 11,244,907,709         |
|            | <b>Tổng cộng nguồn vốn</b>                 | <b>389,224,459,369</b> | <b>402,788,425,147</b> |

II/. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng VN

| Stt | Chỉ tiêu                            | Thực hiện năm 2024    |
|-----|-------------------------------------|-----------------------|
| 1   | Doanh thu bán hàng và CCDV          | 4,071,458,084,709     |
| 2   | Các khoản giảm trừ                  | 3,420,306,310         |
| 3   | Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV | 4,068,037,778,399     |
| 4   | Giá vốn hàng bán                    | 3,997,147,253,737     |
| 5   | Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV   | 70,890,524,662        |
| 6   | Doanh thu hoạt động tài chính       | 9,544,795,516         |
| 7   | Chi phí tài chính                   | 15,035,904,620        |
| 8   | Chi phí bán hàng                    | 15,668,555,749        |
| 9   | Chi phí quản lý doanh nghiệp        | 34,315,174,480        |
| 10  | Lợi nhuận thuần từ HĐKD             | 15,415,685,329        |
| 11  | Thu nhập khác                       | 1,288,153,971         |
| 12  | Chi phí khác                        | 666,128,786           |
| 13  | Lợi nhuận khác                      | 622,025,185           |
| 14  | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế   | 16,037,710,514        |
| 15  | Thuế TNDN hiện hành                 | 4,735,056,790         |
| 16  | <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>      | <b>11,302,653,724</b> |
| 17  | Lãi cơ bản trên cổ phiếu            | 1,256                 |

III./ CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

| Stt | Chỉ tiêu   | ĐVT | Năm 2024 | Năm 2023 |
|-----|--|-----|----------|----------|
| 1   | Cơ cấu tài sản                                       | %   |          |          |
|     | -Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản                       |     | 3.6      | 3.2      |
|     | -Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản                      |     | 96.4     | 96.8     |
| 2   | Cơ cấu nguồn vốn                                     | %   |          |          |
|     | -Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn                        |     | 72.4     | 73.9     |
|     | -Nguồn vốn CSH / Tổng nguồn vốn                      |     | 27.6     | 26.0     |
| 3   | Khả năng thanh toán                                  | Lần |          |          |
|     | -Khả năng thanh toán nhanh                           |     | 1.32     | 1.28     |
|     | -Khả năng thanh toán hiện hành                       |     | 1.33     | 1.31     |
| 4   | Tỷ suất lợi nhuận                                    | %   |          |          |
|     | -Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân |     | 2.85%    | 2.74%    |
|     | -Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần        |     | 0.28%    | 0.25%    |
|     | -Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH bình quân      |     | 10.66%   | 9.85%    |

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.  
Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:  
- Đại hội đồng cổ đông;  
- TV HĐQT; BKS  
- TK CTy;  
- Lưu VT; TCKT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
KIM KHÍ HÀ NỘI  
VNSTEEL  
Q. ĐÔNG ĐA - T.P. HÀ NỘI  
Lê Minh Tú



Số: 85 5 /TTr-HNS

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2025

**TỜ TRÌNH**

**Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị  
Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL ban hành kèm theo Quyết định số 374/QĐ-VNS ngày 15/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ quyết định số 109/QĐ-VNS ngày 29/5/2025 và công văn số 593/VNS-TCNS ngày 03/6/2025 của Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP về việc thôi tham gia Hội đồng quản trị và thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL đối với ông Lê Minh Tú và ông Nguyễn Hoàng Việt;

Căn cứ đơn xin từ nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL của ông Lê Minh Tú và ông Nguyễn Hoàng Việt;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về việc miễn nhiệm 02 Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL đối với:

- Ông Lê Minh Tú - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
- Ông Nguyễn Hoàng Việt - Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT;
- Lưu: VT, TKCty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Lê Minh Tú**

Số: 856 /TTr-HNS

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2025

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**  
**Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;  
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Kim khí Hà Nội - VNSTEEL;  
Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL ban hành kèm theo Quyết định số 374/QĐ-VNS ngày 15/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ quyết định số 110/QĐ-VNS ngày 29/5/2025 và công văn số 593/VNS-TCNS ngày 03/6/2025 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP về việc đề cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL báo cáo và kính trình Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua:

1. Bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL.

2. Danh sách ứng viên do cổ đông Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP đề cử để bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL như sau:

2.1. Họ và tên: Nguyễn Nguyên Ngọc

- Ngày tháng năm sinh: 24/10/1979

- Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP; Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL.

2.2. Họ và tên: Nguyễn Văn Thoan

- Ngày tháng năm sinh: 01/09/1981

- Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban tổ chức nhân sự Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP

(có lý lịch trích ngang của ứng cử viên kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT
- Lưu: VT, TKHĐQT.



Lê Minh Tú



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY

THÉP VIỆT NAM

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG

Họ và tên: Nguyễn Nguyễn Ngọc

Sinh ngày: 24/10/1979; Điện thoại: 090 834 3338

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật Điện, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty; Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL

Đại diện số cổ phần của Tổng công ty tại Công ty: 2.298.732 cổ phần

### QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

- 9/1997 - 6/2002: Đại học Bách khoa Hà Nội, Kỹ sư Điều khiển tự động;
- 10/2011 - 01/2014: Đại học Bách khoa Hà Nội, Thạc sỹ Kỹ thuật Điện;
- 10/2012 - 6/2014: Trường Chính trị tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Trung cấp lý luận chính trị;
- 2018 - 2020: Học viện Chính trị khu vực II, Cao cấp lý luận chính trị;
- 2022 - 2023: Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 9/2002 - 6/2003: Kỹ sư điện tại Công ty Thép Nhà Bè;
- 7/2003 - 10/2004: Kỹ sư giám sát dự án Thép Phú Mỹ;
- 10/2004 - 3/2005: Kỹ thuật viên Phân xưởng Cơ điện Nhà máy Thép Phú Mỹ;
- 4/2005 - 01/2007: Phó Quản đốc Phân xưởng Cơ điện Công ty Thép Miền Nam;
- 02/2007 - 6/2014: Quản đốc Phân xưởng Cơ điện Công ty Thép Miền Nam;
- 7/2014 - 7/2016: Quản đốc Phân xưởng Luyện thép Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL;
- 8/2016 - 10/2016: Quản đốc Phân xưởng Luyện và Cán thép Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL;
- 11/2016 - 01/2017: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL;
- 15/01/2017 - 30/6/2017: Quyền Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL;
- 01/7/2017 - 12/10/2017: Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL;
- 13/10/2017 - nay: Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL;
- 01/4/2025 - nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP.

0368  
T Y  
HÂN  
HÀ N  
TEEL  
1-T.P.H



Họ và tên: Nguyễn Văn Thoan

Sinh ngày: 01/9/1981; Điện thoại: 0919 419 289

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cầu đường, Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Chức vụ: Trưởng ban Tổ chức Nhân sự Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP

Đại diện số cổ phần của Tổng công ty tại Công ty: 1.148.562 cổ phần

### QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

- 9/1999 - 6/2004: Đại học DL Phương Đông, Kỹ sư Cầu đường;
- 01/2019 - 3/2021: Đại học Kinh tế quốc dân, Cử nhân Quản trị Kinh doanh;
- 2020 - 2021: Trường Cán bộ quản lý giao thông vận tải, Trung cấp lý luận chính trị.
- 2023 - 2025: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Cao cấp lý luận chính trị.

### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 6/2004 - 6/2006: Kỹ sư Công ty cổ phần xây dựng Hoa Việt;
- 6/2006 - 6/2007: Kỹ sư Công ty TNHH Mạnh Cường;
- 6/2007 - 6/2010: Chuyên viên Phòng Tổ chức Hành chính Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội;
- 8/2010 - 11/2013: Chuyên viên Phòng Tổ chức Hành chính Công ty cổ phần Tôn mạ Vnsteel Thăng Long;
- 8/11/2013 - 01/9/2014: Phó Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty cổ phần Tôn mạ Vnsteel Thăng Long;
- 9/2014 - 12/2020: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty cổ phần Tôn mạ Vnsteel Thăng Long;
- 01/2021 - 6/2021: Phó Chánh Văn phòng Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;
- 6/2021 - 10/2022: Chánh Văn phòng Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;
- 10/2022 - nay: Trưởng ban Tổ chức Nhân sự Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP.



## QUY CHẾ BẦU CỬ

**Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị  
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025  
Công ty cổ phần Kim Khí Hà Nội - VNSTEEL**

## Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

**Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**

- Điều 3. Cơ cấu và đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị và phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
- Cơ cấu Hội đồng quản trị có 05 thành viên; Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.





#### **Điều 4. Quy định về phiếu bầu**

- Danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị được sắp xếp theo thứ tự A, B, C...theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.
- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền biểu quyết theo mã số tham dự.
- Cổ đông/đại diện được cổ đông ủy quyền được phát phiếu bầu Hội đồng quản trị theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền).
- Cổ đông tiến hành bầu tối đa cho số lượng thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

#### **Điều 5. Phương thức bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

- Bầu cử bằng hình thức bỏ phiếu kín.
- Mỗi cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội được phát 01 phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị.
- Phương thức bầu cử: **Bầu dồn phiếu**, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Ví dụ: Số lượng bầu thành viên Hội đồng quản trị là 02 người. Ông X là người nắm giữ 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Như vậy, tổng số phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị của ông X là 2.000 phiếu (=1.000 x 2). Khi bầu thành viên Hội đồng quản trị, ông X có thể chia tổng số quyền bầu cử của mình là 2.000 phiếu cho 02 ứng cử viên, ví dụ như sau:

| TT | Họ và tên        | Số phiếu bầu |
|----|------------------|--------------|
| 1  | Nguyễn Văn A     | 500          |
| 2  | Nguyễn Văn B     | 1.500        |
|    | <b>Tổng cộng</b> | <b>2.000</b> |

**Lưu ý:** Ông X có thể sử dụng tất cả 2.000 phiếu để bầu cho 1 hoặc 2 ứng cử viên; hoặc sử dụng ít hơn 2.000 phiếu để bầu cho các ứng cử viên, nhưng nếu dùng quá 2.000 phiếu thì phiếu bầu của ông sẽ là phiếu không hợp lệ.

#### **Điều 6. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ**

- Phiếu không phải là phiếu do Ban kiểm phiếu phát;
- Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu treo của Công ty cổ phần kim khí Hà Nội - VNSTEEL.
- Phiếu bị tẩy xóa hoặc ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.
- Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền
- Phiếu bầu quá số lượng thành viên Hội đồng quản trị đã được Đại hội thông qua.
- Phiếu gạch tên các ứng cử viên.



## **Điều 7. Ban bầu cử, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu**

### **7.1. Ban Bầu cử**

- Ban Bầu cử do Đoàn chủ tịch đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Ban Bầu cử có trách nhiệm hướng dẫn cổ đông quy trình bầu cử, cách thức bỏ phiếu, phát phiếu bầu, tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử trước Đại hội

- Thành viên Ban Bầu cử không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị

### **7.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu**

- Ban bầu cử tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu được hoàn tất và được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu.
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
- Kết quả kiểm phiếu phải được lập thành văn bản và được Trưởng Ban Bầu cử công bố trước Đại hội

## **Điều 8. Nguyên tắc lựa chọn các ứng cử viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị**

- Các ứng cử viên trúng cử được xác định theo tỷ lệ phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được bầu theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

## **Điều 9. Hiệu lực thi hành**

- Quy chế bầu cử này đã được công bố công khai trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và lấy ý kiến biểu quyết của toàn thể cổ đông trước khi tiến hành bầu cử.

- Nếu được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua đạt tỷ lệ trên 50%, Quy chế này sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các cổ đông

### **Nơi nhận:**

- Đại hội cổ đông;
- TV HĐQT;
- TV BKS;
- Lưu: VT, TKHĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Lê Minh Tú**

Số: 771 /TTr-HNS

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2025

## TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024  
và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025  
của Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024.

Căn cứ tờ trình số 732/TTr-HNS ngày 14/05/2025 của Tổng Giám đốc về việc phương án phân phối lợi nhuận năm 2024.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 xem xét thông qua, phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, trả cổ tức, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025 như sau:

### 1. Lợi nhuận phân phối:

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 01/01/2024: 2.375.907.709 đồng
- Lợi nhuận sau thuế trong năm 2024 : 11.302.653.724 đồng
- Tổng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2024: 13.678.561.433 đồng

### 2. Phương án phân phối

- Trả cổ tức bằng tiền (tỷ lệ 8%) : 7.200.000.000 đồng.
- Trích các quỹ : 1.695.398.059 đồng.
- + Quỹ khen thưởng người lao động : 400.000.000 đồng.
- + Quỹ phúc lợi : 1.135.398.059 đồng.
- + Quỹ thưởng người quản lý : 160.000.000 đồng.

### 3. Lợi nhuận để lại năm 2025

: 4.783.163.374 đồng.

### 4. Chi trả cổ tức năm 2024:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã trình Đại hội và được Đại hội thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền 7% (bảy phần trăm).

Kết quả kinh doanh, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2024 vượt 160% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 giao, do vậy Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 về việc chi trả cổ tức năm 2024 như sau:

- + Trả cổ tức bằng tiền (tỷ lệ 8%) : 7.200.000.000 đồng.



+ Thời gian chốt danh sách cổ đông ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền: **Ngày 07/7/2025**

+ Thời gian thực hiện chi trả cổ tức: Dự kiến từ ngày **01/8/2025** đến ngày **29/8/2025**.

+ Đối tượng chi trả: Cổ đông hiện hữu theo danh sách nêu trên của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC).

#### **5. Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025.**

Qua phân tích, đánh giá, nhận định tình hình và căn cứ chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025, Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức chi trả cổ tức năm 2025: Dự kiến 7% (Bảy phần trăm).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT;
- BKS;
- PTCKT;
- Lưu: VT, TK HĐQT. ✓

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Lê Minh Tú**

Số: 526 /TTr-HNS

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2025

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc thông qua kế hoạch kinh doanh,  
đầu tư phát triển và kế hoạch tài chính năm 2025  
của Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Kim khí Hà Nội - VNSTEEL;

Căn cứ kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Công ty và xét tình hình thực tế;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL với các nội dung sau:

### **I. Kế hoạch kinh doanh**

- Lượng tiêu thụ : 300.000 tấn. Trong đó, tiêu thụ thép xây dựng trong hệ thống VNSTEEL:

+ Thép Việt Úc : 65.000 tấn

+ Thép Tisco : 30.000 tấn

- Doanh thu : 4.124.300 triệu đồng, trong đó:

Doanh thu dịch vụ : 56.500 triệu đồng.

- Lợi nhuận trước thuế : 17.000 triệu đồng.

### **II. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản**

1. Dự án đầu tư: 45,55 tỷ đồng, trong đó:

1.1. Dự án khởi công mới:

- Dự án xây dựng tường rào tại Tổng kho kim khí số 2: 02 tỷ đồng.

- Dự án xây dựng tường rào, nhà bảo vệ tại Tổng kho kim khí số 4: 01 tỷ đồng

1.2. Dự án chuyển tiếp:

- Dự án đầu tư hệ thống PCCC tại các kho (Tổng kho kim khí số 1, Tổng kho kim khí số 2, Tổng kho kim khí số 3, Tổng kho kim khí số 4) và Văn phòng Công ty: 37,55 tỷ đồng, dự kiến giải ngân năm 2025 là 18,52 tỷ đồng.

- Dự án nhà văn phòng 02 tầng tại Tổng kho kim khí số 1: 05 tỷ đồng.

2. Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng và tài sản: 03 tỷ đồng.

### **III. Kế hoạch hạn mức tín dụng**

- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam : 200 tỷ đồng



- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam : 200 tỷ đồng
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam : 50 tỷ đồng

Trên đây là kế hoạch kinh doanh, đầu tư phát triển và kế hoạch tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL.

(Tờ trình này thay thế cho Tờ trình số 413/TTr-HNS, ngày 20/3/2025 của Hội đồng quản trị Công ty).

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./✓

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT;
- BKS; Ban TGD
- Các phòng; *gửi*
- Lưu: VT, TKHĐQT. *✓*



**Lê Minh Tú**

Số: 854 /TTr-HNS

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2025

### TỜ TRÌNH

**Về tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch tiền lương  
thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát  
Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;  
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Kim khí Hà Nội - VNSTEEL;  
Thực hiện Nghị quyết số 606/NQ-HNS ngày 15/4/2024 của Đại hội đồng cổ  
đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội-VNSTEEL;  
Căn cứ tờ trình số 246/TTr-HNS ngày 20/02/2025 của Tổng Giám đốc Công  
ty về quyết toán lao động tiền lương thực hiện năm 2024 và căn cứ tờ trình số  
268/TTr-HNS ngày 25/02/2025 về kế hoạch tiền lương và thù lao năm 2025 đối  
với Người quản lý Công ty;

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 của  
Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL;

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025:

**I. Tiền lương và thù lao thực hiện của thành viên Hội đồng quản trị - Người  
quản lý chuyên trách, thành viên Ban kiểm soát năm 2024**

| TT        | Chỉ tiêu   | Đơn vị tính | Kế hoạch 2024        | Thực hiện 2024       |
|-----------|--|-------------|----------------------|----------------------|
| <b>I</b>  | <b>Tiền lương của người quản lý chuyên trách</b>           |             |                      |                      |
| 1         | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc                             | đồng/tháng  | 35.000.000           | 47.320.000           |
| 2         | Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc                         | đồng/ng/th  | 30.000.000           | 40.560.000           |
| <b>II</b> | <b>Thù lao của thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách</b> |             |                      |                      |
| 1         | Chủ tịch HĐQT  | đồng/th     | 6.000.000            | 6.000.000            |
| 2         | Thành viên HĐQT  | đồng/ng/th  | 4.000.000            | 4.000.000            |
| 3         | Trưởng BKS   | đồng/th     | 4.000.000            | 4.000.000            |
| 4         | Thành viên BKS   | đồng/ng/th  | 3.000.000            | 3.000.000            |
|           | <b>Quỹ tiền lương chuyên trách năm</b>                     | đồng        | <b>1.140.000.000</b> | <b>1.155.960.000</b> |
|           | <b>Quỹ thù lao HĐQT, BKS năm</b>                           | đồng        | <b>240.000.000</b>   | <b>278.000.000</b>   |



**II. Kế hoạch tiền lương và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị - Người quản lý chuyên trách, thành viên Ban kiểm soát năm 2025**

**1. Tiền lương người quản lý chuyên trách:**

- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc : 50.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc : 42.000.000 đồng/người/tháng

**Quỹ tiền lương Người quản lý chuyên trách: 1.356.000.000 đồng.**

*(Dự kiến bổ sung 01 Phó Tổng Giám đốc thời điểm 06 tháng cuối năm 2025)*

**2. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách:**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 6.000.000 đồng/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị : 4.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 4.000.000 đồng/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát : 3.000.000 đồng/người/tháng

**Quỹ thù lao Người quản lý không chuyên trách: 384.000.000 đồng.**

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT;
- BKS;
- P.TCHC;
- Lưu: VT, TKHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Lê Minh Tú**

Số: 527 /TTr-HNS

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2025

### TỜ TRÌNH

Về việc thông qua giao dịch, ký kết hợp đồng kinh tế với người có liên quan, một số đối tác là tổ chức trong hệ thống Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;  
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;  
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;  
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Kim khí Hà Nội - VNSTEEL;  
Căn cứ Tờ trình số 263/TTr-HNS ngày 24/02/2025 của Tổng Giám đốc về việc ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với các Công ty trong hệ thống Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP;

Đề thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2025, Công ty dự kiến sẽ phát sinh về việc ký kết hợp đồng giao dịch với người có liên quan, một số đối tác là tổ chức có liên quan của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông, là các Công ty trong hệ thống Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP;

Tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty về thẩm quyền phê duyệt hợp đồng, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét và thông qua các nội dung sau:

1. Chấp thuận các hợp đồng kinh tế giữa Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL và các tổ chức có liên quan của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông, là các Công ty trong hệ thống Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP theo danh mục tại Phụ lục kèm theo.

2. Thời hạn hiệu lực ký hợp đồng: từ ngày 01/01/2025 đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ủy quyền cho Hội đồng quản trị chỉ đạo và giám sát Tổng Giám đốc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế với các Công ty nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, Quy chế, quy định của Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP; Điều lệ Công ty và các Quy chế, quy định của Công ty, đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông.

(Tờ trình này thay thế cho Tờ trình số 414/TTr-HNS, ngày 20/3/2025 của Hội đồng quản trị Công ty).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BĐH;
- PTCKT, PKHKD (T/h);
- Lưu: VT, TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
KIM KHÍ HÀ NỘI  
VNSTEEL  
Lê Minh Tú



**Phụ lục: Danh sách các Công ty trong hệ thống Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP**

**Công ty dự kiến giao dịch, ký kết hợp đồng kinh tế**

| STT | Tên tổ chức dự kiến giao dịch, ký kết hợp đồng | Mã số Doanh nghiệp | Địa chỉ trụ sở chính   | Mặt hàng   | Trị giá dự kiến thực hiện |
|-----|--|--------------------|--|--|---------------------------|
| 1   | Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên          | 4600100155         | Tổ 13, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên | Nguyên liệu luyện cán thép (than coke, than cám, thép phế liệu, phôi thép...), thép thành phẩm (thép xây dựng, thép hình...) | 900 tỷ đồng               |
| 2   | Công ty TNHH Một thành viên Vinausteel         | 0200108811         | Km 9, Vật cách, Quán Toan, Hồng Bàng, TP Hải Phòng             | Thép thành phẩm (thép xây dựng...), nguyên liệu luyện cán thép   | 1.500 tỷ đồng             |

✓



Số: 344 /TTr-HNS

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2025

**TỜ TRÌNH**  
**Về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập**  
**thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Kim khí Hà Nội - VNSTEEL;

Để thuận lợi cho việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty CP Kim khí Hà Nội-VNSTEEL lựa chọn một trong ba (03) Công ty kiểm toán uy tín, bao gồm:

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
2. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
3. Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT; BKS, BDH;
- Lưu: VT, TKCty, BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**



**Hà Thị Thu Hiền**





**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP**  
**CÔNG TY CP KIM KHÍ HÀ NỘI-VNSTEEL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

/NQ-HNS

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2025

## **DỰ THẢO**

### **NGHỊ QUYẾT**

## **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (ĐHĐCĐ) của Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL (Công ty) ngày 16 tháng 6 năm 2025;

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Nhất trí thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty về đánh giá kết quả hoạt động năm 2024 và mục tiêu, phương hướng hoạt động năm 2025 (Báo cáo số 524/BC-HNS ngày 04/4/2025 của Hội đồng quản trị Công ty);

**Điều 2:** Nhất trí thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty về đánh giá hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 (Báo cáo số 343/BC-HNS ngày 07/3/2025 của Ban kiểm soát Công ty);

**Điều 3:** Nhất trí thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán (Tờ trình số 411/TTr-HNS ngày 20/3/2025 của Hội đồng quản trị Công ty);

**Điều 4:** Nhất trí thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024, trích lập các quỹ và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025 (Tờ trình số 771/TTr-HNS ngày 20/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty), cụ thể:

#### **1. Chi trả cổ tức năm 2024:**

- Trả cổ tức bằng tiền (8%) : 7.200.000.000 đồng.
- Thời gian chốt danh sách cổ đông ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền: Ngày 07/7/2025
- Thời gian thực hiện chi trả cổ tức: Dự kiến từ ngày 01/8/2025 đến ngày 29/8/2025.
- Đối tượng chi trả: Cổ đông hiện hữu theo danh sách nêu trên của Tổng Công ty Lưu ký Chứng khoán và bù trừ Việt Nam (VSDC).

#### **2. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi :**

- Trích các quỹ : 1.695.398.059 đồng.



- + Quỹ khen thưởng người lao động : 400.000.000 đồng.
  - + Quỹ phúc lợi : 1.135.398.059 đồng.
  - + Quỹ thưởng người quản lý : 160.000.000 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại chuyển sang năm 2025:

4.783.163.374 đồng.

### **3. Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025.**

Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch mức chi trả cổ tức năm 2025: 7% (bảy phần trăm)

**Điều 5:** Nhất trí thông qua Kế hoạch kinh doanh, đầu tư phát triển và kế hoạch tài chính năm 2025 của Công ty (Tờ trình số 526/TTr-HNS ngày 04/4/2025 của Hội đồng quản trị Công ty), với các chỉ tiêu chính như sau:

#### **1. Kế hoạch kinh doanh:**

- Lượng tiêu thụ : 300.000 tấn. Trong đó, tiêu thụ thép xây dựng trong hệ thống VNSTEEL:

+ Thép Việt Úc : 65.000 tấn

+ Thép Tisco : 30.000 tấn

- Doanh thu : 4.124.300 triệu đồng, trong đó:

Doanh thu dịch vụ : 56.500 triệu đồng.

- Lợi nhuận trước thuế : 17.000 triệu đồng.

#### **2. Kế hoạch đầu tư phát triển:**

2.1. Dự án đầu tư: 45,55 tỷ đồng, trong đó:

- Dự án khởi công mới: 03 tỷ

- Dự án chuyển tiếp:

+ Dự án đầu tư hệ thống PCCC: 37,55 tỷ đồng, dự kiến giải ngân năm 2025: 18,52 tỷ đồng.

+ Dự án nhà văn phòng 02 tầng tại Tổng kho kim khí số 1: 05 tỷ đồng.

2.2. Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng và tài sản: 03 tỷ đồng.

#### **3. Kế hoạch hạn mức tín dụng:**

- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam : 200 tỷ đồng

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam : 200 tỷ đồng

- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam : 50 tỷ đồng

**Điều 6:** Nhất trí thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025 của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (Tờ trình số 854/TTr-HNS ngày 04/6/2025 của Hội đồng quản trị Công ty):

1. Quỹ tiền lương và thù lao thực hiện năm 2024:

- Quỹ tiền lương năm của thành viên Hội đồng quản trị: 1.155.960.000 đồng.

- Quỹ thù lao năm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát: 278.000.000 đồng.

2. Kế hoạch tiền lương năm 2025 của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát:



2.1. Tiền lương thành viên HĐQT, người quản lý Công ty chuyên trách:

- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc : 50.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc : 42.000.000 đồng/người/tháng

**Quỹ tiền lương Người quản lý chuyên trách: 1.356.000.000 đồng.**

2.2. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 6.000.000 đồng/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị : 4.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 4.000.000 đồng/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát : 3.000.000 đồng/người/tháng

**Quỹ thù lao Người quản lý không chuyên trách: 384.000.000 đồng.**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Kế hoạch quỹ tiền lương và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị - Người quản lý chuyên trách, thành viên Ban kiểm soát, khi có sự điều chỉnh, phát sinh (nếu có), phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế, quy định của Công ty.

**Điều 7:** Nhất trí thông qua Tờ trình số 527/TTr-HNS ngày 04/4/2025 của Hội đồng quản trị Công ty:

1. Chấp thuận các hợp đồng kinh tế giữa Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL và các tổ chức có liên quan của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông, là các Công ty trong hệ thống Tổng Công ty thép Việt Nam CTCP theo danh mục tại Phụ lục kèm theo Tờ trình.

2. Thời hạn hiệu lực ký hợp đồng: từ ngày 01/01/2025 đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ủy quyền cho Hội đồng quản trị chỉ đạo và giám sát Tổng Giám đốc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế với các Công ty nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế, quy định của Công ty, đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông.

**Điều 8:** Nhất trí thông qua Tờ trình số 344/TTr-HNS ngày 07/3/2025 của Ban kiểm soát về lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong ba (3) Công ty kiểm toán uy tín theo danh sách tại tờ trình.

**Điều 9:** Nhất trí thông qua tờ trình số 855/TTr-HNS ngày 04/6/2025 về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kim khí Hà Nội - VNSTEEL.

**Điều 10:** Nhất trí thông qua tờ trình số 856/TTr-HNS ngày 04/6/2025 về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kim khí Hà Nội - VNSTEEL.

**Điều 11:** Phê duyệt kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kim khí Hà Nội - VNSTEEL, như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị trúng cử:

| Số TT | Họ và Tên |
|-------|-----------|
| 1     |           |
| 2     |           |

**Điều 12:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 theo đúng pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 giao cho Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát, kiểm tra hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 đảm bảo đúng pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã biểu quyết 100% tán thành thông qua toàn văn Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2025.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông của CTy (Website);
- CBTT UBCKNN, SGDCKHN;
- TCTy lưu ký và BT CK VN;
- VNS (B/c);
- TV HĐQT; TV BKS;
- Ban TGD;
- CĐ; ĐTN;
- Các phòng, đơn vị;
- Lưu VT, TKHĐQT.

**Lê Minh Tú**





## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024  
(đã được kiểm toán)



## NỘI DUNG

|                                      | Trang |
|--------------------------------------|-------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc        | 02-03 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập            | 04-05 |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  | 06-33 |
| Bảng cân đối kế toán                 | 06-07 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 08    |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ           | 09-10 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính        | 11-33 |



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - Vnsteel (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - VNSTEEL (Tên cũ: Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Kim Khí Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 30/03/2021 với mã số doanh nghiệp là 0100100368.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 20 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                       |          |
|-----------------------|----------|
| Ông Lê Minh Tú        | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Huy Thành  | Ủy viên  |
| Ông Hoàng Ngọc Chiến  | Ủy viên  |
| Ông Nguyễn Hoàng Việt | Ủy viên  |
| Ông Lê Xuân Anh       | Ủy viên  |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                      |                   |                            |
|----------------------|-------------------|----------------------------|
| Ông Nguyễn Huy Thành | Tổng Giám đốc     |                            |
| Ông Lê Xuân Anh      | Phó Tổng Giám đốc |                            |
| Ông Hoàng Ngọc Chiến | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 15/03/2024 |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

|                        |            |                            |
|------------------------|------------|----------------------------|
| Bà Hà Thị Thu Hiền     | Trưởng ban | Bỏ nhiệm ngày 15/04/2024   |
| Ông Nguyễn Việt Hoàng  | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 15/04/2024 |
| Bà Đinh Thị Thủy Trang | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 15/04/2024   |
| Bà Nguyễn Thị Anh Đào  | Thành viên |                            |

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Huy Thành – Tổng Giám đốc Công ty.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

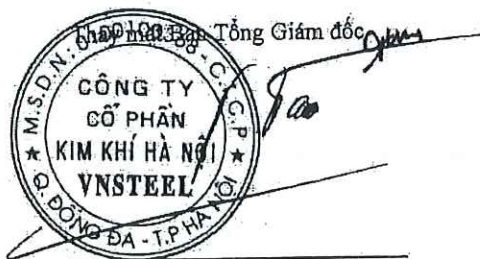
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.



Nguyễn Huy Thành  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Ngày 24 tháng 02 năm 2025







Số: 240225.013/BCTC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - Vnsteel

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - Vnsteel được lập Ngày 24 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



MEMBER OF THE GLOBAL AUDITING AND ACCOUNTING NETWORK

aasc.com.vn

AASC AUDITING FIRM



3368  
TY  
AN  
H N  
CL  
PHAT

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - Vnsteel tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi lưu ý người đọc tới "Thuyết minh số 8 - Nợ xấu": Thực hiện theo kiến nghị tại Thông báo số 186/TB-KTNN ngày 14/01/2019 của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024 cho các khoản nợ phải thu khó đòi đã quá hạn thanh toán trên 3 năm không có đủ hồ sơ trích lập dự phòng theo quy định hiện hành với tổng số dư nợ phải thu tại thời điểm 01/01/2024 và 31/12/2024 là 3.691.849.780 đồng.

Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC



Hà Nội, Ngày 24 tháng 02 năm 2025

**Đặng Huy Hoàng**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 4461-2023-002-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

| Mã số | TÀI SẢN                                     | Thuyết minh | 31/12/2024       | 01/01/2024<br>(đã điều chỉnh) |
|-------|---|-------------|------------------|-------------------------------|
|       |   |             | VND              | VND                           |
| 100   | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                  |             | 375.386.260.182  | 389.937.352.520               |
| 110   | I. Tiền và các khoản tương đương tiền       | 3           | 13.516.440.299   | 5.390.843.746                 |
| 111   | 1. Tiền                                     |             | 13.516.440.299   | 5.390.843.746                 |
| 120   | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn               | 4           | 10.000.000.000   | 10.000.000.000                |
| 123   | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn          |             | 10.000.000.000   | 10.000.000.000                |
| 130   | III. Các khoản phải thu ngắn hạn            |             | 346.653.462.505  | 365.735.509.532               |
| 131   | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng         | 5           | 383.590.637.365  | 403.962.061.372               |
| 132   | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn         | 6           | 560.569.528      | 642.723.157                   |
| 136   | 3. Phải thu ngắn hạn khác                   | 7           | 3.877.334.918    | 3.964.442.100                 |
| 137   | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi       |             | (41.375.079.306) | (42.833.717.097)              |
| 140   | IV. Hàng tồn kho                            | 9           | 4.365.979.341    | 8.211.772.093                 |
| 141   | 1. Hàng tồn kho                             |             | 6.895.596.769    | 10.973.436.505                |
| 149   | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho           |             | (2.529.617.428)  | (2.761.664.412)               |
| 150   | V. Tài sản ngắn hạn khác                    |             | 850.378.037      | 599.227.149                   |
| 151   | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn               | 12          | 24.416.079       | 109.345.190                   |
| 152   | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                  |             | 17.625.806       | 247.447.309                   |
| 153   | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 15          | 808.336.152      | 242.434.650                   |
| 200   | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                   |             | 13.838.199.187   | 12.851.072.627                |
| 210   | I. Các khoản phải thu dài hạn               |             | 152.060.000      | 104.540.000                   |
| 216   | 1. Phải thu dài hạn khác                    | 7           | 152.060.000      | 104.540.000                   |
| 220   | II. Tài sản cố định                         |             | 9.218.240.064    | 9.779.529.510                 |
| 221   | 1. Tài sản cố định hữu hình                 | 10          | 8.756.719.064    | 9.318.008.510                 |
| 222   | - Nguyên giá                                |             | 64.516.997.383   | 63.842.203.736                |
| 223   | - Giá trị hao mòn lũy kế                    |             | (55.760.278.319) | (54.524.195.226)              |
| 227   | 2. Tài sản cố định vô hình                  | 11          | 461.521.000      | 461.521.000                   |
| 228   | - Nguyên giá                                |             | 729.211.000      | 729.211.000                   |
| 229   | - Giá trị hao mòn lũy kế                    |             | (267.690.000)    | (267.690.000)                 |
| 260   | VI. Tài sản dài hạn khác                    |             | 4.467.899.123    | 2.967.003.117                 |
| 261   | 1. Chi phí trả trước dài hạn                | 12          | 4.467.899.123    | 2.967.003.117                 |
| 270   | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                    |             | 389.224.459.369  | 402.788.425.147               |

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

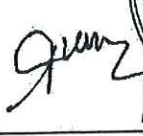
## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN                                    | Thuyết minh | 31/12/2024      | 01/01/2024             |
|-------|--|-------------|-----------------|------------------------|
|       |  |             | VND             | (đã điều chỉnh)<br>VND |
| 300   | C. NỢ PHẢI TRẢ                               |             | 281.946.046.157 | 297.943.665.659        |
| 310   | I. Nợ ngắn hạn                               |             | 281.946.046.157 | 297.943.665.659        |
| 311   | 1. Phải trả người bán ngắn hạn               | 13          | 16.169.007.056  | 19.745.225.276         |
| 312   | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn         | 14          | 437.183.290     | 458.302.276            |
| 313   | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước       | 15          | 5.146.570.982   | 7.870.716.755          |
| 314   | 4. Phải trả người lao động                   |             | 14.525.875.751  | 13.324.841.426         |
| 315   | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                 | 16          | 394.562.032     | 424.201.673            |
| 319   | 6. Phải trả ngắn hạn khác                    | 17          | 54.424.387.958  | 67.180.056.440         |
| 320   | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn         | 18          | 190.560.752.071 | 188.772.724.296        |
| 322   | 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi                  |             | 287.707.017     | 167.597.517            |
| 400   | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU                            |             | 107.278.413.212 | 104.844.759.488        |
| 410   | I. Vốn chủ sở hữu                            | 19          | 107.278.413.212 | 104.844.759.488        |
| 411   | 1. Vốn góp của chủ sở hữu                    |             | 90.000.000.000  | 90.000.000.000         |
| 411a  | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       |             | 90.000.000.000  | 90.000.000.000         |
| 418   | 2. Quỹ đầu tư phát triển                     |             | 3.599.851.779   | 3.599.851.779          |
| 421   | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối         |             | 13.678.561.433  | 11.244.907.709         |
| 421a  | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước |             | 2.375.907.709   | 1.055.737.756          |
| 421b  | LNST chưa phân phối kỳ này                   |             | 11.302.653.724  | 10.189.169.953         |
| 440   | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN                          |             | 389.224.459.369 | 402.788.425.147        |

  
Đào Thị Nguyệt  
Người lập

  
Dương Thị Phương Hiền  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Huy Thành  
Tổng Giám đốc


Hà Nội, Ngày 24 tháng 02 năm 2025




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2024

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2024          | Năm 2023<br>(đã điều chỉnh) |
|-------|--|-------------|-------------------|-----------------------------|
|       |  |             | VND               | VND                         |
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 21          | 4.071.458.084.709 | 4.015.048.147.588           |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                  | 22          | 3.420.306.310     | 3.916.315.820               |
| 10    | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ  |             | 4.068.037.778.399 | 4.011.131.831.768           |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán                              | 23          | 3.997.147.253.737 | 3.943.061.989.512           |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ |             | 70.890.524.662    | 68.069.842.256              |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                 | 24          | 9.544.795.516     | 8.561.065.159               |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                             | 25          | 15.035.904.620    | 16.620.179.387              |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay                        |             | 15.035.904.620    | 16.620.179.387              |
| 25    | 8. Chi phí bán hàng                              | 26          | 15.668.555.749    | 14.038.598.013              |
| 26    | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                  | 27          | 34.315.174.480    | 30.956.947.216              |
| 30    | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh      |             | 15.415.685.329    | 15.015.182.799              |
| 31    | 11. Thu nhập khác                                | 28          | 1.288.153.971     | 32.732.509                  |
| 32    | 12. Chi phí khác                                 | 29          | 666.128.786       | 26.751.674                  |
| 40    | 13. Lợi nhuận khác                               |             | 622.025.185       | 5.980.835                   |
| 50    | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế            |             | 16.037.710.514    | 15.021.163.634              |
| 51    | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 30          | 4.735.056.790     | 4.831.993.681               |
| 52    | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại  |             | -                 | -                           |
| 60    | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp     |             | 11.302.653.724    | 10.189.169.953              |
| 70    | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                     | 31          | 1.256             | 1.132                       |

  
Đào Thị Nguyệt  
Người lập

  
Dương Thị Phương Hiền  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Huy Thành  
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Ngày 24 tháng 02 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2024            | Năm 2023            |
|-------|--|-------------|---------------------|---------------------|
|       |  |             | VND                 | VND                 |
|       | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |             |                     |                     |
| 01    | 1. Lợi nhuận trước thuế  |             | 16.037.710.514      | 15.021.163.634      |
|       | 2. Điều chỉnh cho các khoản  |             |                     |                     |
| 02    | - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  |             | 1.421.513.093       | 1.651.018.037       |
| 03    | - Các khoản dự phòng   |             | (1.690.684.775)     | 198.260.404         |
| 05    | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  |             | (638.605.106)       | (825.228.669)       |
| 06    | - Chi phí lãi vay  |             | 15.035.904.620      | 16.620.179.387      |
| 08    | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                 |             | 30.165.838.346      | 32.665.392.793      |
| 09    | - Tăng, giảm các khoản phải thu  |             | 20.018.564.271      | (52.727.777.893)    |
| 10    | - Tăng, giảm hàng tồn kho  |             | 4.077.839.736       | 4.637.499.245       |
| 11    | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) |             | (17.349.670.587)    | 64.136.019.019      |
| 12    | - Tăng, giảm chi phí trả trước   |             | (1.415.966.895)     | (327.598.287)       |
| 14    | - Tiền lãi vay đã trả  |             | (15.009.523.511)    | (16.672.767.385)    |
| 15    | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  |             | (5.372.124.089)     | (922.448.409)       |
| 17    | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   |             | (1.548.890.500)     | (444.500.000)       |
| 20    | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh  |             | 13.566.066.771      | 30.343.819.083      |
|       | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>   |             |                     |                     |
| 21    | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                     |             | (860.223.647)       | (1.643.005.455)     |
| 22    | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                  |             | -                   | 23.636.364          |
| 23    | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác  |             | (10.000.000.000)    | (18.000.000.000)    |
| 24    | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                  |             | 10.000.000.000      | 8.000.000.000       |
| 27    | 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   |             | 777.125.654         | 455.948.469         |
| 30    | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư  |             | (83.097.993)        | (11.163.420.622)    |
|       | <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>   |             |                     |                     |
| 33    | 1. Tiền thu từ đi vay  |             | 1.702.160.323.356   | 1.535.056.901.537   |
| 34    | 2. Tiền trả nợ gốc vay   |             | (1.700.372.295.581) | (1.544.448.439.673) |
| 36    | 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   |             | (7.145.400.000)     | (6.269.830.000)     |
| 40    | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính   |             | (5.357.372.225)     | (15.661.368.136)    |



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU                          | Thuyết minh | Năm 2024       | Năm 2023      |
|-------|-----------------------------------|-------------|----------------|---------------|
|       |                                   |             | VND            | VND           |
| 50    | Lưu chuyển tiền thuần trong năm   |             | 8.125.596.553  | 3.519.030.325 |
| 60    | Tiền và tương đương tiền đầu năm  |             | 5.390.843.746  | 1.871.813.421 |
| 70    | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 3           | 13.516.440.299 | 5.390.843.746 |

Đào Thị Nguyệt  
Người lập

Dương Thị Phương Hiền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Thành  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Ngày 24 tháng 02 năm 2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2024

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - VNSTEEL (Tên cũ: Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Kim Khí Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 30/03/2021 với mã số doanh nghiệp là 0100100368.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 20 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 90.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 90.000.000.000 đồng; tương đương 9.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 126 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 127 người).

**Lĩnh vực kinh doanh****Kinh doanh thương mại.****Ngành nghề kinh doanh.**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu;
- Khai thác và thu gom than cứng; khai thác và thu gom than non; sản xuất than cốc;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, văn phòng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 1

Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 2

Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 6

Xí nghiệp Kinh doanh Thép hình (\*)

Xí nghiệp Kinh doanh Thép Chuyên dùng

Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng

Địa chỉ

Hà Nội

Hà Nội

Hà Nội

Hà Nội

Hà Nội

Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính

Kinh doanh thép

Kinh doanh thép

Kinh doanh thép

Kinh doanh thép

Kinh doanh thép

Kinh doanh thép

(\*) Xí nghiệp Kinh doanh Thép hình đang làm thủ tục đóng mã số thuế.

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



## 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty, được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

## 2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

## 2.5 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.



2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



**2.11 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

|                                   |                          |
|-----------------------------------|--------------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 30 năm              |
| - Máy móc, thiết bị               | 05 - 10 năm              |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm              |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 05 năm              |
| - Quyền sử dụng đất               | Không trích khấu hao năm |
| - Phần mềm quản lý                | 03 - 05 năm              |

**2.12 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.13 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 24 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 36 tháng.

**2.14 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.



**2.15 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.16 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.17 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.18 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**2.19 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

**2.20 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



**2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là chiết khấu thương mại.

Khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**2.23 . Chi phí tài chính**

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành**

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**2.25 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.26 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**

Số 20 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**2.27 . Thông tin bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm hoạt động kinh doanh sắt thép và cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng diễn ra toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam. Trong đó, hoạt động bán hàng chiếm tỷ trọng trên 90% toàn bộ hoạt động của toàn Công ty. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**3 . TIỀN**

|                                 | 31/12/2024            | 01/01/2024           |
|---------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                 | VND                   | VND                  |
| Tiền mặt                        | 197.805.217           | 167.164.957          |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 13.318.635.082        | 5.223.678.789        |
|                                 | <u>13.516.440.299</u> | <u>5.390.843.746</u> |

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

|                      | 31/12/2024            |          | 01/01/2024            |          |
|----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                      | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
|                      | VND                   | VND      |                       | VND      |
| Đầu tư ngắn hạn      |                       |          |                       |          |
| - Tiền gửi có kỳ hạn | 10.000.000.000        | -        | 10.000.000.000        | -        |
|                      | <u>10.000.000.000</u> | <u>-</u> | <u>10.000.000.000</u> | <u>-</u> |

Tại ngày 31/12/2024, các đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với lãi suất 4,2%/năm.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

|  | 31/12/2024             |                         | 01/01/2024             |                         |
|--|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
|  | Giá trị                | Dự phòng                | Giá trị                | Dự phòng                |
|  | VND                    | VND                     | VND                    | VND                     |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng  | 21.177.618.000         | (21.177.618.000)        | 21.177.618.000         | (21.177.618.000)        |
| Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Phú Vinh | 89.961.703.419         | -                       | 83.128.771.122         | -                       |
| Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng     | 52.368.807.257         | -                       | 90.920.570.234         | -                       |
| Công ty Cổ phần B.C.H                    | 27.515.180.000         | -                       | 66.504.052.878         | -                       |
| Công ty TNHH Thép Tây Đô                 | 71.365.034.885         | -                       | 58.103.429.289         | -                       |
| Phải thu khách hàng khác                 | 121.202.293.804        | (20.197.461.306)        | 84.127.619.849         | (21.656.099.097)        |
|  | <u>383.590.637.365</u> | <u>(41.375.079.306)</u> | <u>403.962.061.372</u> | <u>(42.833.717.097)</u> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**

Số 20 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|                                       | 31/12/2024         |          | 01/01/2024         |          |
|---------------------------------------|--------------------|----------|--------------------|----------|
|                                       | Giá trị            | Dự phòng | Giá trị            | Dự phòng |
|                                       | VND                | VND      | VND                | VND      |
| <i>Bên liên quan</i>                  | 41.094.509         | -        | 8.195.157          | -        |
| Công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên | 41.094.509         | -        | 8.195.157          | -        |
| <i>Bên khác</i>                       | 519.475.019        | -        | 634.528.000        | -        |
| Công ty Cổ phần A - FIRE              | 137.819.880        | -        | 264.000.000        | -        |
| Khác                                  | 381.655.139        | -        | 370.528.000        | -        |
|                                       | <u>560.569.528</u> | <u>-</u> | <u>642.723.157</u> | <u>-</u> |

**7 . PHẢI THU KHÁC**

|   | 31/12/2024           |          | 01/01/2024 (đã điều chỉnh) |          |
|---|----------------------|----------|----------------------------|----------|
|   | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị                    | Dự phòng |
|   | VND                  | VND      | VND                        | VND      |
| a) Ngắn hạn                                     |                      |          |                            |          |
| Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay          | 207.123.288          | -        | 345.643.836                | -        |
| Phải thu về bảo hiểm xã hội                     | 2.791.955            | -        | 4.527.071                  | -        |
| Tạm ứng Ông Nguyễn Mạnh Cường (*)               | 177.131.855          | -        | 244.000.000                | -        |
| Phải thu chiết khấu thương mại                  | 1.510.030.000        | -        | 1.510.030.000              | -        |
| Phải thu khác                                   | 1.964.723.820        | -        | 1.839.349.193              | -        |
|   | <u>15.534.000</u>    | <u>-</u> | <u>20.892.000</u>          | <u>-</u> |
|   | <u>3.877.334.918</u> | <u>-</u> | <u>3.964.442.100</u>       | <u>-</u> |
| b) Dài hạn                                      |                      |          |                            |          |
| Ký cược, ký quỹ                                 | 152.060.000          | -        | 104.540.000                | -        |
|   | <u>152.060.000</u>   | <u>-</u> | <u>104.540.000</u>         | <u>-</u> |
| c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan |                      |          |                            |          |
| Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên           | 1.964.723.820        | -        | 1.839.349.193              | -        |
|   | <u>1.964.723.820</u> | <u>-</u> | <u>1.839.349.193</u>       | <u>-</u> |

(\*) Phải thu về tài sản thiếu khi kiểm kê năm 2009

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**

Số 20 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**8. NỢ XẤU**

|   | 31/12/2024            |                        | 01/01/2024            |                        |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
|   | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi |
|   | VND                   | VND                    | VND                   | VND                    |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi |                       |                        |                       |                        |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công Nghệ - TID  | 4.797.383.800         | -                      | 4.797.383.800         | -                      |
| - Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng   | 21.177.618.000        | -                      | 21.177.618.000        | -                      |
| - Công ty Cổ phần Vật tư Quang Minh (*)   | 2.181.819.780         | -                      | 2.181.819.780         | -                      |
| - Ông Nguyễn Mạnh Cường (*)   | 1.510.030.000         | -                      | 1.510.030.000         | -                      |
| - Công ty Cổ phần Gang thép Hà Việt   | 2.914.197.150         | -                      | 3.379.197.150         | -                      |
| - Các khoản khác  | 12.485.880.356        | -                      | 14.473.155.938        | 993.637.791            |
|   | <u>45.066.929.086</u> | <u>-</u>               | <u>47.519.204.668</u> | <u>993.637.791</u>     |

(\*) Căn cứ theo kiến nghị tại Thông báo số 186/TB-KTNN ngày 14/01/2019 của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội - Vnsteel cho năm tài chính 2017, Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với Công ty Cổ phần Vật tư Quang Minh số tiền 2.181.819.780 đồng, cá nhân ông Nguyễn Mạnh Cường số tiền 1.510.030.000 đồng do thiếu các hồ sơ thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Do đó khoản mục dự phòng nợ phải thu khó đòi tại thời điểm đầu năm và cuối năm nay chưa phản ánh giá trị dự phòng đối với các khoản công nợ này.

**9. HÀNG TỒN KHO**

|          | 31/12/2024           |                        | 01/01/2024            |                        |
|----------|----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
|          | Giá gốc              | Dự phòng               | Giá gốc               | Dự phòng               |
|          | VND                  | VND                    | VND                   | VND                    |
| Hàng hoá | 6.895.596.769        | (2.529.617.428)        | 10.973.436.505        | (2.761.664.412)        |
|          | <u>6.895.596.769</u> | <u>(2.529.617.428)</u> | <u>10.973.436.505</u> | <u>(2.761.664.412)</u> |



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL  
Số 20 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

|                        | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng           |
|------------------------|------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------|
|                        | VND                    | VND               | VND                             | VND                       | VND            |
| Nguyên giá             |                        |                   |                                 |                           |                |
| Số dư đầu năm          | 54.576.871.612         | 1.821.402.482     | 7.224.753.278                   | 219.176.364               | 63.842.203.736 |
| - Mua trong năm        | 675.480.556            | 90.909.091        | -                               | 93.834.000                | 860.223.647    |
| - Thanh lý, nhượng bán | (185.430.000)          | -                 | -                               | -                         | (185.430.000)  |
| Số dư cuối năm         | 55.066.922.168         | 1.912.311.573     | 7.224.753.278                   | 313.010.364               | 64.516.997.383 |
| Giá trị hao mòn lũy kế |                        |                   |                                 |                           |                |
| Số dư đầu năm          | 47.738.150.932         | 1.809.268.687     | 4.879.400.695                   | 97.374.912                | 54.524.195.226 |
| - Khấu hao trong năm   | 989.419.128            | 6.091.077         | 382.088.037                     | 43.914.851                | 1.421.513.093  |
| - Thanh lý, nhượng bán | (185.430.000)          | -                 | -                               | -                         | (185.430.000)  |
| Số dư cuối năm         | 48.542.140.060         | 1.815.359.764     | 5.261.488.732                   | 141.289.763               | 55.760.278.319 |
| Giá trị còn lại        |                        |                   |                                 |                           |                |
| Tại ngày đầu năm       | 6.838.720.680          | 12.133.795        | 2.345.352.583                   | 121.801.452               | 9.318.008.510  |
| Tại ngày cuối năm      | 6.524.782.108          | 96.951.809        | 1.963.264.546                   | 171.720.601               | 8.756.719.064  |

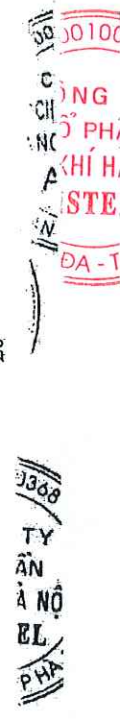
Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5.796.839.644 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 46.506.726.508 đồng.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại phường Nghi Thu, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An với nguyên giá là 461.521.000 VND, không trích khấu hao;
- Phần mềm máy tính nguyên giá 267.690.000 VND, khấu hao lũy kế tại thời điểm đầu năm và cuối năm là 267.690.000 VND. Tài sản hiện tại đã hết khấu hao nhưng vẫn còn được sử dụng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**

Số 20 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

|                                       | 31/12/2024           | 01/01/2024           |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                       | VND                  | VND                  |
| a) <b>Ngắn hạn</b>                    |                      |                      |
| Chi phí sửa chữa tài sản              | -                    | 46.041.677           |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng             | 8.690.873            | 45.915.456           |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác       | 15.725.206           | 17.388.057           |
|                                       | <b>24.416.079</b>    | <b>109.345.190</b>   |
| b) <b>Dài hạn</b>                     |                      |                      |
| Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ   | 426.158.727          | 464.119.185          |
| Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ | 4.041.740.396        | 2.502.883.932        |
|                                       | <b>4.467.899.123</b> | <b>2.967.003.117</b> |

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|  | 31/12/2024            |                       | 01/01/2024            |                       |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|  | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
|  | VND                   | VND                   | VND                   | VND                   |
| <b>Bên liên quan</b>                                     | <b>4.018.821.195</b>  | <b>4.018.821.195</b>  | -                     | -                     |
| Công ty TNHH MTV Vinausteel                              | 4.018.821.195         | 4.018.821.195         | -                     | -                     |
| <b>Bên khác</b>  | <b>12.150.185.861</b> | <b>12.150.185.861</b> | <b>19.745.225.276</b> | <b>19.745.225.276</b> |
| Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Chín Rồng | -                     | -                     | 10.058.545.200        | 10.058.545.200        |
| Công ty TNHH kết cấu thép 568                            | -                     | -                     | 6.860.763.960         | 6.860.763.960         |
| Công ty TNHH thương mại và sản xuất Trường Hình          | -                     | -                     | 965.537.100           | 965.537.100           |
| Công ty trách nhiệm hữu hạn Châu Ngọc                    | 8.615.400.882         | 8.615.400.882         | -                     | -                     |
| Đối tượng khác   | 3.534.784.979         | 3.534.784.979         | 1.860.379.016         | 1.860.379.016         |
|  | <b>16.169.007.056</b> | <b>16.169.007.056</b> | <b>19.745.225.276</b> | <b>19.745.225.276</b> |

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

|   | 31/12/2024         | 01/01/2024         |
|---|--------------------|--------------------|
|   | VND                | VND                |
| <b>Bên khác</b>                                   |                    |                    |
| Công ty TNHH Kim loại HANNOX                      | 235.714.114        | 235.714.114        |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Sao Việt Linh | 200.000.000        | 200.000.000        |
| Đối tượng khác                                    | 1.469.176          | 22.588.162         |
|   | <b>437.183.290</b> | <b>458.302.276</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**

Số 20 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|  | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm<br>(đã điều chỉnh) | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số phải thu cuối năm | Số phải nộp cuối năm |
|--|---------------------|--|-----------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|
|  | VND                 | VND                                    | VND                   | VND                      | VND                  | VND                  |
| Thuế Giá trị gia tăng                  | -                   | 274.235.516                            | 8.672.934.356         | 8.549.218.507            | -                    | 397.951.365          |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp             | -                   | 5.303.717.916                          | 4.735.056.790         | 5.372.124.089            | -                    | 4.666.650.617        |
| Thuế Thu nhập cá nhân                  | 242.434.650         | 19.920.500                             | 1.006.330.941         | 701.847.791              | -                    | 81.969.000           |
| Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất            | -                   | 2.272.842.823                          | 27.221.775.892        | 30.302.954.867           | 808.336.152          | -                    |
| Các loại thuế khác                     | -                   | -                                      | 4.000.000             | 4.000.000                | -                    | -                    |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -                   | -                                      | 577.528.177           | 577.528.177              | -                    | -                    |
|  | <u>242.434.650</u>  | <u>7.870.716.755</u>                   | <u>42.217.626.156</u> | <u>45.507.673.431</u>    | <u>808.336.152</u>   | <u>5.146.570.982</u> |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|                         | 31/12/2024         | 01/01/2024         |
|-------------------------|--------------------|--------------------|
|                         | VND                | VND                |
| - Chi phí lãi vay       | 244.562.032        | 218.180.923        |
| - Chi phí phải trả khác | 150.000.000        | 206.020.750        |
|                         | <u>394.562.032</u> | <u>424.201.673</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL  
Số 20 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

17 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

|  | 31/12/2024            | 01/01/2024<br>(đã điều chỉnh) |
|--|-----------------------|-------------------------------|
|  | VND                   | VND                           |
| - Tài sản thừa chờ giải quyết                                      | 23.880.318            | 23.880.318                    |
| - Kinh phí công đoàn   | 2.079.212             | 1.925.844                     |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn                                    | 4.946.191.070         | 4.364.333.588                 |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả                                       | 232.700.000           | 178.100.000                   |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ba Đình                 | -                     | 35.747.440.757                |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ngọc Khánh (*) | 49.092.757.450        | 26.361.763.747                |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác                                | 126.779.908           | 502.612.186                   |
|  | <u>54.424.387.958</u> | <u>67.180.056.440</u>         |

(\*) Phải trả tiền LC nội địa

18 . VAY NGẮN HẠN

|   | 01/01/2024             |                        | 31/12/2024               |                        |
|---|------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|
|   | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  | Giá trị                  | Số có khả năng trả nợ  |
|   | VND                    | VND                    | VND                      | VND                    |
| - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - CN Bắc Hà Nội <sup>(1)</sup>          | 30.936.417.720         | 30.936.417.720         | 255.553.159.098          | 30.000.000.000         |
| - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ngọc Khánh <sup>(2)</sup> | 152.486.293.276        | 152.486.293.276        | 914.988.780.889          | 80.000.557.360         |
| - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - CN Ba Đình <sup>(3)</sup>             | 2.650.013.300          | 2.650.013.300          | 459.277.642.029          | 58.996.230.541         |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội <sup>(4)</sup>                           | 2.700.000.000          | 2.700.000.000          | 62.360.741.340           | 11.563.964.170         |
| - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội - PGD Thành Đô <sup>(5)</sup>             | -                      | -                      | 10.000.000.000           | 10.000.000.000         |
|   | <u>188.772.724.296</u> | <u>188.772.724.296</u> | <u>1.702.160.323.356</u> | <u>190.560.752.071</u> |

100% CÔNG CỐ P 1 KHÍ NST 3 DA



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 445/2024-HĐCVHM/NHCT129-KKHN ngày 14 tháng 06 năm 2024, với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 13 tháng 06 năm 2025;
- + Lãi suất cho vay: quy định theo từng giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 30.000.000.000 VND;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản.

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/2024/134796/HĐTD ngày 30 tháng 10 năm 2024, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 30 tháng 10 năm 2025;
- + Lãi suất cho vay: quy định theo từng giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 80.000.557.360 VND;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản.

(3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 164/2024-HĐCVHM/NHCT124-HNS ngày 13/06/2024, với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 13 tháng 06 năm 2025;
- + Lãi suất cho vay: quy định theo từng giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 58.996.230.541 VND;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản.

(4) Hợp đồng tín dụng số 01/2024/CTD/VCBHN-VNS ngày 09/12/2024, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 35.500.000.000 VND;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày 09/12/2024 đến 27/12/2025;
- + Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 11.563.964.170 VND;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản.

(5) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CLC-26473-01 ký ngày 04/09/2024, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thép các loại
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng tính từ ngày ký kết hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này
- + Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 10.000.000.000 VND;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**

Số 20 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                         | Vốn đầu tư của<br>chủ sở hữu | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Lợi nhuận chưa<br>phân phối<br>(đã điều chỉnh) | Cộng            |
|-------------------------|------------------------------|--------------------------|--|-----------------|
|                         | VND                          | VND                      | VND  | VND             |
| Số dư đầu năm<br>trước  | 90.000.000.000               | 3.599.851.779            | 8.005.737.756                                  | 101.605.589.535 |
| Lãi trong năm<br>trước  | -                            | -                        | 10.189.169.953                                 | 10.189.169.953  |
| Phân phối lợi<br>nhuận  | -                            | -                        | (6.950.000.000)                                | (6.950.000.000) |
| Số dư cuối năm<br>trước | 90.000.000.000               | 3.599.851.779            | 11.244.907.709                                 | 104.844.759.488 |
| Số dư đầu năm<br>nay    | 90.000.000.000               | 3.599.851.779            | 11.244.907.709                                 | 104.844.759.488 |
| Lãi trong năm<br>nay    | -                            | -                        | 11.302.653.724                                 | 11.302.653.724  |
| Phân phối lợi<br>nhuận  | -                            | -                        | (8.869.000.000)                                | (8.869.000.000) |
| Số dư cuối năm<br>nay   | 90.000.000.000               | 3.599.851.779            | 13.678.561.433                                 | 107.278.413.212 |

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 606 ngày 15/04/2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

|   | Tỷ lệ<br>(%) | Số tiền<br>VND |
|---|--------------|----------------|
| Lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế đến đầu năm 2024 | 100,00%      | 11.244.907.709 |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi                 | 14,84%       | 1.669.000.000  |
| Chi trả cổ tức bằng tiền (bằng 8% vốn điều lệ)  | 64,03%       | 7.200.000.000  |
| Lợi nhuận chưa phân phối                        | 21,13%       | 2.375.907.709  |

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

|                                      | Tỷ lệ<br>(%) | Cuối năm<br>VND | Tỷ lệ<br>(%) | Đầu năm<br>VND |
|--------------------------------------|--------------|-----------------|--------------|----------------|
| Tổng Công ty Thép Việt Nam -<br>CTCP | 89,37        | 80.431.500.000  | 89,37        | 80.431.500.000 |
| Các cổ đông khác                     | 10,63        | 9.568.500.000   | 10,63        | 9.568.500.000  |
|                                      | 100,00       | 90.000.000.000  | 100,00       | 90.000.000.000 |



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**

Số 20 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

|   | Năm 2024        | Năm 2023        |
|---|-----------------|-----------------|
|   | VND             | VND             |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu                         | 90.000.000.000  | 90.000.000.000  |
| - Vốn góp đầu năm                                 | 90.000.000.000  | 90.000.000.000  |
| - Vốn góp cuối năm                                | 90.000.000.000  | 90.000.000.000  |
| Cổ tức, lợi nhuận:                                |                 |                 |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm              | 178.100.000     | 147.930.000     |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm            | 7.200.000.000   | 6.300.000.000   |
| + Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước | 7.200.000.000   | 6.300.000.000   |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền          | (7.145.400.000) | (6.269.830.000) |
| + Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước | (7.145.400.000) | (6.269.830.000) |
| - Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm         | 232.700.000     | 178.100.000     |

d) Cổ phiếu

|  | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành              | 9.000.000  | 9.000.000  |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ | 9.000.000  | 9.000.000  |
| - Cổ phiếu phổ thông                             | 9.000.000  | 9.000.000  |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                  | 9.000.000  | 9.000.000  |
| - Cổ phiếu phổ thông                             | 9.000.000  | 9.000.000  |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)            | 10.000     | 10.000     |

e) Các quỹ công ty

|                       | 31/12/2024    | 01/01/2024    |
|-----------------------|---------------|---------------|
|                       | VND           | VND           |
| Quỹ đầu tư phát triển | 3.599.851.779 | 3.599.851.779 |
|                       | 3.599.851.779 | 3.599.851.779 |

20 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2024, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

|                        | 31/12/2024     | 01/01/2024     |
|------------------------|----------------|----------------|
|                        | VND            | VND            |
| - Từ 1 năm trở xuống   | 48.570.824.545 | 49.600.970.378 |
| - Trên 1 năm đến 5 năm | 8.017.003.636  | 11.118.806.291 |
|                        | 56.587.828.181 | 60.719.776.669 |

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm tại Hà Nội để sử dụng với mục đích làm văn phòng, cửa hàng kinh doanh và kho thép. Tổng diện tích các khu đất thuê là 72.600 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định pháp lý hiện hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**Số 20 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|                            | Năm 2024                 | Năm 2023                 |
|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                            | VND                      | VND                      |
| Doanh thu bán hàng         | 4.013.284.616.913        | 3.961.587.511.126        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 58.173.467.796           | 53.460.636.462           |
|                            | <u>4.071.458.084.709</u> | <u>4.015.048.147.588</u> |

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)- 4.231.680.000**22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

|                       | Năm 2024             | Năm 2023             |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
|                       | VND                  | VND                  |
| Chiết khấu thương mại | 3.420.306.310        | 3.916.315.820        |
|                       | <u>3.420.306.310</u> | <u>3.916.315.820</u> |

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|   | Năm 2024                 | Năm 2023                 |
|---|--------------------------|--------------------------|
|   | VND                      | VND                      |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán                       | 3.965.565.062.377        | 3.914.510.664.468        |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp                   | 31.814.238.344           | 27.601.197.862           |
| Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (232.046.984)            | 950.127.182              |
|   | <u>3.997.147.253.737</u> | <u>3.943.061.989.512</u> |

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

1.166.653.787.961 790.314.897.056**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|  | Năm 2024             | Năm 2023             |
|--|----------------------|----------------------|
|  | VND                  | VND                  |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay                    | 638.605.106          | 801.592.305          |
| Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm | 8.906.190.410        | 7.759.472.854        |
|  | <u>9.544.795.516</u> | <u>8.561.065.159</u> |

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|              | Năm 2024              | Năm 2023              |
|--------------|-----------------------|-----------------------|
|              | VND                   | VND                   |
| Lãi tiền vay | 15.035.904.620        | 16.620.179.387        |
|              | <u>15.035.904.620</u> | <u>16.620.179.387</u> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**

Số 20 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

|                                  | Năm 2024              | Năm 2023              |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                  | VND                   | VND                   |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 21.661.232            | 26.341.688            |
| Chi phí nhân công                | 12.340.934.278        | 10.864.055.072        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 12.331.182            | 12.331.182            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 3.070.169.509         | 3.044.492.026         |
| Chi phí khác bằng tiền           | 223.459.548           | 91.378.045            |
|                                  | <u>15.668.555.749</u> | <u>14.038.598.013</u> |

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                                  | Năm 2024              | Năm 2023              |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                  | VND                   | VND                   |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 492.251.534           | 708.326.253           |
| Chi phí nhân công                | 19.642.233.948        | 17.332.401.063        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 401.049.658           | 315.931.715           |
| Thuế, phí, lệ phí                | 1.384.069.909         | 1.417.120.828         |
| Chi phí hoàn nhập dự phòng       | (1.458.637.791)       | (751.866.778)         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 4.426.210.432         | 3.990.857.897         |
| Chi phí khác bằng tiền           | 9.427.996.790         | 7.944.176.238         |
|                                  | <u>34.315.174.480</u> | <u>30.956.947.216</u> |

**28 . THU NHẬP KHÁC**

|  | Năm 2024             | Năm 2023          |
|--|----------------------|-------------------|
|  | VND                  | VND               |
| Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | -                    | 23.636.364        |
| Thu nhập từ đền bù giải phóng mặt bằng           | 1.224.077.332        | -                 |
| Thu nhập khác                                    | 64.076.639           | 9.096.145         |
|  | <u>1.288.153.971</u> | <u>32.732.509</u> |

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

|   | Năm 2024           | Năm 2023          |
|---|--------------------|-------------------|
|   | VND                | VND               |
| Tiền chậm nộp, phạt vi phạm hành chính theo quyết định của cơ quan thuế | 659.320.845        | 1.291.999         |
| Chi phí khác  | 6.807.941          | 25.459.675        |
|   | <u>666.128.786</u> | <u>26.751.674</u> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**

Số 20 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

|  | Năm 2024             | Năm 2023<br>(đã điều chỉnh) |
|--|----------------------|-----------------------------|
|  | VND                  | VND                         |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 16.037.710.514       | 15.021.163.634              |
| Các khoản điều chỉnh tăng  | 7.633.573.434        | 9.130.684.769               |
| - Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP                                | 5.026.950.133        | 6.073.150.707               |
| - Chi phí không hợp lệ khác  | 2.606.623.301        | 3.057.534.062               |
| Thu nhập chịu thuế TNDN  | 23.671.283.948       | 24.151.848.403              |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>   | <b>4.734.256.790</b> | <b>4.830.369.681</b>        |
| Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay | 800.000              | 1.624.000                   |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm  | 5.303.717.916        | 1.394.172.644               |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm  | (5.372.124.089)      | (922.448.409)               |
| <b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>   | <b>4.666.650.617</b> | <b>5.303.717.916</b>        |

**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

|   | Năm 2024       | Năm 2023       |
|---|----------------|----------------|
|   | VND            | VND            |
| Lợi nhuận thuần sau thuế                        | 11.302.653.724 | 10.189.169.953 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông        | 11.302.653.724 | 10.189.169.953 |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm | 9.000.000      | 9.000.000      |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                 | <b>1.256</b>   | <b>1.132</b>   |

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                  | <u>Năm 2024</u>       | <u>Năm 2023</u>       |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                  | VND                   | VND                   |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 513.912.766           | 734.667.941           |
| Chi phí nhân công                | 31.983.168.226        | 28.196.456.135        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.421.513.093         | 1.651.018.037         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 36.840.848.241        | 33.313.792.645        |
| Chi phí khác bằng tiền           | 11.038.526.247        | 9.452.675.111         |
|                                  | <u>81.797.968.573</u> | <u>73.348.609.869</u> |



## 33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

## Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

## Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

## Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

## Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

## Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

|                                    | Từ 1 năm<br>trở xuống<br>VND | Trên 1 năm<br>đến 5 năm<br>VND | Trên 5 năm<br>VND | Cộng<br>VND            |
|------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| <b>Tại ngày 31/12/2024</b>         |                              |                                |                   |                        |
| Tiền                               | 13.318.635.082               | -                              | -                 | 13.318.635.082         |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 346.092.892.977              | 152.060.000                    | -                 | 346.244.952.977        |
| Các khoản cho vay                  | 10.000.000.000               | -                              | -                 | 10.000.000.000         |
|                                    | <u>369.411.528.059</u>       | <u>152.060.000</u>             | <u>-</u>          | <u>369.563.588.059</u> |
| <b>Tại ngày 01/01/2024</b>         |                              |                                |                   |                        |
| Tiền                               | 5.223.678.789                | -                              | -                 | 5.223.678.789          |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 365.713.638.044              | 104.540.000                    | -                 | 365.818.178.044        |
| Các khoản cho vay                  | 10.000.000.000               | -                              | -                 | 10.000.000.000         |
|                                    | <u>380.937.316.833</u>       | <u>104.540.000</u>             | <u>-</u>          | <u>381.041.856.833</u> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**Số 20 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

|   | Từ 1 năm<br>trở xuống  | Trên 1 năm<br>đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng                   |
|---|------------------------|-------------------------|------------|------------------------|
|   | VND                    | VND                     | VND        | VND                    |
| <b>Tại ngày 31/12/2024</b>              |                        |                         |            |                        |
| Vay và nợ                               | 190.560.752.071        | -                       | -          | 190.560.752.071        |
| Phải trả người<br>bán, phải trả<br>khác | 70.593.395.014         | -                       | -          | 70.593.395.014         |
| Chi phí phải trả                        | 394.562.032            | -                       | -          | 394.562.032            |
|   | <u>261.548.709.117</u> | <u>-</u>                | <u>-</u>   | <u>261.548.709.117</u> |
| <b>Tại ngày 01/01/2024</b>              |                        |                         |            |                        |
| Vay và nợ                               | 188.772.724.296        | -                       | -          | 188.772.724.296        |
| Phải trả người<br>bán, phải trả<br>khác | 86.925.281.716         | -                       | -          | 86.925.281.716         |
| Chi phí phải trả                        | 424.201.673            | -                       | -          | 424.201.673            |
|   | <u>276.122.207.685</u> | <u>-</u>                | <u>-</u>   | <u>276.122.207.685</u> |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**35 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

| <u>Bên liên quan</u>   | <u>Mối quan hệ</u>              |
|--|---------------------------------|
| Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP  | Công ty mẹ                      |
| Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel   | Cùng công ty mẹ                 |
| Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên  | Cùng công ty mẹ                 |
| Công ty TNHH MTV Vinausteel (*)  | Cùng công ty mẹ                 |
| Công ty TNHH Ông thép Việt Nam   | Công ty liên kết của Công ty mẹ |
| Công ty TNHH Natsteel Vina   | Công ty liên kết của Công ty mẹ |
| Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và người quản lý khác của Công ty |                                 |

(\*) Trong năm, Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel đã hết thời gian liên doanh và được chuyển đổi với tên mới là Công ty TNHH MTV Vinausteel



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**

Số 20 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

|                                       | Năm 2024          | Năm 2023        |
|---------------------------------------|-------------------|-----------------|
|                                       | VND               | VND             |
| <b>Doanh thu</b>                      | -                 | 4.231.680.000   |
| Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên | -                 | 4.231.680.000   |
| <b>Mua hàng</b>                       | 1.166.653.787.961 | 790.314.897.056 |
| Công ty TNHH MTV Vinausteel           | 812.730.599.130   | 668.596.470.250 |
| Công ty TNHH Gang thép Việt Nam       | 2.026.652.670     | 2.740.798.405   |
| Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên | 351.896.536.161   | 118.977.628.401 |

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

|  | Mối quan hệ  | Năm 2024    | Năm 2023    |
|--|--|-------------|-------------|
|  |  | VND         | VND         |
| <b>Thu nhập của người quản lý chủ chốt</b> |  |             |             |
| Ông Lê Minh Tứ                             | Chủ tịch HĐQT  | 78.375.000  | 51.000.000  |
| Ông Nguyễn Huy Thành                       | Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc                                  | 591.797.000 | 423.766.000 |
| Ông Nguyễn Hoàng Việt                      | Ủy viên HĐQT   | 54.000.000  | 48.000.000  |
| Ông Hoàng Ngọc Chiến                       | Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/03/2024) | 263.208.000 | 375.412.000 |
| Ông Lê Xuân Anh                            | Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT                              | 521.399.000 | 281.267.000 |

|  | Mối quan hệ                                       | Năm 2024   | Năm 2023   |
|--|---|------------|------------|
|  |   | VND        | VND        |
| <b>Thù lao và chi phí hoạt động khác của Ban kiểm soát</b> |   |            |            |
| Bà Hà Thị Thu Hiền   | Trưởng Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 15/04/2024)   | 49.000.000 | 36.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Anh Đào                                      | Ủy viên Ban kiểm soát                             | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Bà Đinh Thị Thùy Trang                                     | Ủy viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 15/04/2024)  | 25.500.000 | -          |
| Ông Nguyễn Việt Hoàng                                      | Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 15/04/2024) | 20.000.000 | 48.000.000 |

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**

Số 20 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**36 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 căn cứ theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế 67558/QĐ-CTHN-TTKT1-XPVPHC ngày 20 tháng 12 năm 2024. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2023 được điều chỉnh cụ thể như sau:

| Mã số                                   | Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước |                | Số liệu điều chỉnh lại | Chênh lệch      | Ghi chú |
|---|--|----------------|------------------------|-----------------|---------|
|   | VND                                      |                | VND                    | VND             |         |
| a) Bảng Cân đối kế toán                 |  |                |                        |                 |         |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước     | 313                                      | 6.020.935.026  | 7.870.716.755          | 1.849.781.729   | (1)     |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối       | 421                                      | 13.094.689.438 | 11.244.907.709         | (1.849.781.729) | (1)     |
| Phải thu ngắn hạn khác                  | 136                                      | 4.585.293.769  | 3.964.442.100          | (620.851.669)   | (2)     |
| Phải trả ngắn hạn khác                  | 319                                      | 67.800.908.109 | 67.180.056.440         | (620.851.669)   | (2)     |
| b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh |  |                |                        |                 |         |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện | 51                                       | 3.455.560.187  | 4.831.993.681          | 1.376.433.494   | (1)     |

(1) Điều chỉnh theo biên bản thanh tra thuế năm 2022 - 2023

(2) Bù trừ công nợ giữa Văn phòng Công ty và Chi nhánh Hải Phòng

Đào Thị Nguyệt  
Người lập

Dương Thị Phương Hiền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Thành  
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Ngày 24 tháng 02 năm 2025